

TUẦN 8 : HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN VẬT LÝ 7

NỘI DUNG TÌM HIỂU	NỘI DUNG BÀI
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	ÔN TẬP TỔNG KẾT PHẦN I: QUANG HỌC
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi ôn tập lý thuyết. Sau đó vận dụng các kiến thức ôn tập đó để làm bài tập trắc nghiệm	I.ÔN TẬP LÝ THUYẾT 1.- Khi nào ta nhận biết được ánh sáng? - Khi nào ta nhìn thấy một vật khi nào ? - Nguồn sáng là gì ? Cho ví dụ ? - Vật sáng là gì ? Cho ví dụ 2. Phát biểu định luật truyền thẳng của ánh sáng ? - Thế nào là tia sáng ,là chùm sáng? -Có mấy loại chùm sáng ? kể tên và nêu đặc điểm các loại chùm sáng đó 3.Bóng tối- Bóng nửa tối là gì ? -Nhật thực là gì? Nhật thực xảy ra khi Mặt Trời,Mặt Trăng và Trái Đất ở những vị trí nào so với nhau? -Nguyệt thực là gì? Nguyệt thực xảy ra khi Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất ở những vị trí nào so với nhau? 4. Phát biểu định luật phản xạ ánh sáng ? (TL/30) 5. Nêu các đặc điểm của ảnh của một vật được tạo bởi gương phẳng? 6- Nêu các đặc điểm của ảnh của một vật được tạo bởi gương cầu lồi ? - So sánh vùng nhìn thấy của gương cầu lồi và gương phẳng khi các gương có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương ? -Nêu ứng dụng của gương cầu lồi 7. Nêu các đặc điểm của ảnh của một vật được tạo bởi gương cầu lõm? -Nêu ứng dụng của gương cầu lõm II. Bài tập Câu 1: Ta nhận biết được ánh sáng khi

- A. Đang là ban ngày
- B. Có một nguồn sáng đặt trước mắt
- C. Ta đang mở mắt
- D. Có ánh sáng truyền vào mắt ta.

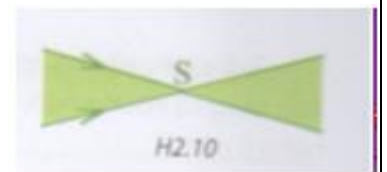
Câu 2: Ta nhìn thấy được một vật khi

- A. Vật là một nguồn sáng
- B. Ta đang mở mắt nhìn về phía vật
- C. Vật là một vật sáng
- D. Có ánh sáng từ vật đi vào mắt ta.

Câu 3: Môi trường đồng tính nào sau đây không thỏa điều kiện về sự truyền thẳng của ánh sáng?

- A. Không khí
- B. Thủy tinh
- C. Nước
- D. Sắt

Câu 4: Một chùm sáng truyền đi trong không khí được mô tả như hình



H2.10. Nhận xét nào sau đây đúng ?

- A. Chùm sáng luôn là chùm sáng hội tụ khi truyền đi.
- B. Chùm sáng luôn là chùm sáng phân kì khi truyền đi.
- C. Chùm sáng là chùm sáng hội tụ khi truyền đến điểm S và là chùm sáng phân kì khi truyền ra xa điểm S.
- D. Chùm sáng là chùm sáng phân kì khi truyền đến điểm S và là chùm sáng hội tụ khi truyền ra xa điểm S.

Câu 5: Khi có nguyệt thực xảy ra:

- A. Mặt Trăng nằm trong bóng tối của Trái Đất
- B. Trái Đất nằm trong bóng tối của Mặt Trăng
- C. Mặt trăng che khuất Mặt Trời
- D. Mặt Trời ngừng không chiếu sáng Mặt Trăng nữa

Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng nhật thực

- A. Mặt Trời ngừng phát ra ánh sáng
- B. Mặt Trời bỗng nhiên biến mất
- C. Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất
- D. Người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất không được Mặt Trời chiếu sang

Câu 7: Chiếu một tia sáng lên một gương phẳng ta thu được một tia phản xạ hợp với tia tới một góc 40^0 . Góc tới có giá trị bao nhiêu

- A. 10^0
- B. 20^0
- C. 40^0
- D. 80^0

Câu 8: Nội dung nào sau đây không thuộc định luật phản xạ ánh sáng:

- A.
óc phản xạ bằng góc tới.
- B. Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng tới chứa tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới.
- C. Tia phản xạ bằng tia tới.
- D.
óc hợp bởi tia tới và pháp tuyến bằng góc hợp bởi tia phản xạ và pháp tuyến.

Câu 9: Cho một điểm sáng S ở trước một gương phẳng có ảnh tạo bởi gương là S'. Phát biểu nào sau đây sai ?

- A. S' là ảnh ảo
- B. S' không hứng được trên màn chắn.
- C. S và S' đối xứng nhau qua gương.
- D. Các tia sáng từ S tới gương có các tia phản xạ cùng cắt nhau tại S'.

Câu 10: Một vật đặt trước một gương cầu lồi, đặc điểm nào sau đây của ảnh tạo bởi gương cầu lồi là sai ?

- A. Ảnh là ảnh ảo
- B. Ảnh không hứng được trên màn chắn.
- C. Độ lớn của ảnh nhỏ hơn độ lớn của vật.

	D. Khoảng cách từ vật và từ ảnh đến gương là bằng nhau. Câu 11. So sánh nào sau đây về gương phẳng và gương cầu lồi là sai ? A. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở sau gương B. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở gần gương hơn vật. C. Khi một vật sáng đặt ở cùng vị trí trước gương phẳng và gương cầu lồi, mắt nhìn thấy ảnh qua gương phẳng lớn hơn ảnh qua gương cầu lồi. D. Vùng nhìn thấy của gương phẳng hẹp hơn vùng nhìn thấy của gương cầu lồi có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương. Câu 12: Một số gương dùng trong cuộc sống, khi soi vào ta thấy hình ảnh của khuôn mặt mình lớn hơn nhiều so với mặt. Gương soi là A. gương phẳng. B. gương cầu lõm. C. gương cầu lồi. D. gương cầu (lõm hoặc lồi). Câu 13: Bếp mặt trời là một thiết bị ứng dụng của gương cầu lõm trong cuộc sống, dựa trên đặc điểm gương cầu lõm có thể biến đổi A. chùm tia tới phân kì thành chùm tia phản xạ song song B. chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ phân kì C. chùm tia tới hội tụ thành chùm tia phản xạ song song D. chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ hội tụ								
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<u>PHIẾU HỌC TẬP</u> Đáp án : <table><tr><td>Câu</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr></table>	Câu	1	2	3	4	5	6	7
Câu	1	2	3	4	5	6	7		

	Đáp án	D	D	D	C	A	C	B	
	Câu	8	9	10	11	12	13		
	Đáp án	C	D	D	B	B	D		

1. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Vật lý 7	1	1.

TUẦN 8:

Tiết 29: **CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ**

I. Các lỗi thường gặp về quan hệ từ:

1. Thiếu quan hệ từ:

- Câu 1: Thiếu quan hệ từ: “mà” hoặc “để”

- Câu 2: Thiếu quan hệ từ “đối với, với”

Sửa lại:

- Câu 1: Đừng nên nhìn hình thức mà (để) đánh giá kẻ khác.

- Câu 2: Câu tục ngữ này chỉ đúng đối với xã hội xưa còn **với** xã hội ngày nay thì không đúng.

2. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa.

- Bài tập : SGK – T106

- Nhận xét:

+ Câu 1: 2 vế của câu diễn đạt 2 sự việc có hàm ý tương phản nên phải thay từ “và” = từ “nhưng”

+ Câu 2: Vế thứ 2 có nội dung giải thích lí do cho vế 1. Nên thay từ “để” = từ “vì”.

- Câu sửa:

3. Thừa quan hệ từ.

- Bài tập: 106, 107

- Nhận xét

+ Các câu đã cho thiếu chủ ngữ vì các quan hệ từ “qua”, “về” đã biến chủ ngữ thành bộ phận trạng ngữ trong câu.

- Sửa lại:

+ Câu 1: Bỏ quan hệ từ “qua”

+ Câu 2: Bỏ quan hệ từ “về”

4. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.

- Bài tập: T 107

- Nhận xét: Những câu mắc lỗi.

+ Câu 1: Không những (1)...toán, không những (2) giỏi về môn văn.

Câu 2: Nó thích tâm sự với mẹ, không thích với chị

→ Câu 1: Từ “không những 2” không có tác dụng liên kết 2 vế của câu, còn làm cho câu thêm lủng củng

→ Câu 2: Vế của câu thiếu sự liên kết

- Sửa lại:

- Nam là ...toàn diện. Không ...toán, Nam còn giỏi về môn văn. Thầy giáo rất khen Nam.

- Nó thích tâm sự với mẹ nhưng không thích tâm sự với chị.

5. Kết luận:

*Ghi nhớ: SGK – T107

II. Luyện tập

1. Bài 1:

- Nó chăm chú nghe kể chuyện từ đầu đến cuối.

- Con xin báo một tin vui để cha mẹ mừng. (hoặc “cho”)

2. Bài 2:

- Câu 1: Thay “mới” bằng “như”

- Câu 2: Thay “tuy” bằng “dù”

- Câu 3: Thay “bằng” bằng “về” (“qua”)

***Củng cố , luyện tập:**

H: Chỉ ra các lỗi thường gặp trong quan hệ từ?

H: Nêu cách sửa lỗi?

*** Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc lòng phần ghi nhớ, ôn kiến thức về quan hệ từ.

- Tập viết đoạn văn biểu cảm trong đó có sử dụng quan hệ từ.

- Hoàn thiện bài tập 4,5 phần luyện tập

- Chuẩn bị bài : Từ đồng âm, Từ trái nghĩa , Từ đồng nghĩa

Tiết 30: Tự học: TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ TRÁI NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM

A. Từ đồng nghĩa

I. Thế nào là từ đồng nghĩa:

1. Ví dụ

a.

- rọi: chiếu (soi)

- trông : nhìn (ngó, nhòm, liếc)

-> **Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau**

b.

- Các từ đồng nghĩa với từ

+ trông: Coi sóc, giữ gìn cho yên ổn

-> trông coi, chăm sóc, coi sóc.

- Mong: chờ đợi -> Mong, hi vọng, trông mong

-> **Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau**

2. Ghi nhớ 1: SGK/ T114

II. Các loại từ đồng nghĩa.

1. Ví dụ:

a.

- Từ “quả” với từ “trái” đồng nghĩa với nhau

→ Có thể thay thế cho nhau trong mọi hoàn cảnh

→ Đồng nghĩa hoàn toàn (không có sắc thái ý nghĩa khác nhau)

b.

- Hai từ “bỏ mạng” và “hy sinh”

+ Giống nhau: Đều có nghĩa là chết

+ Khác nhau:

→ “bỏ mạng” : Chết vô ích → sắc thái khinh bỉ.

→ “hy sinh”: Chết vì nghĩa vụ, lí tưởng cao cả → kính trọng

2. Ghi nhớ 2: SGK/ 114

B. Từ trái nghĩa

I. Thế nào là từ trái nghĩa:

1. Ví dụ:

ngẩng >< cúi

trẻ >< già

đi >< trở lại

(1) -> *Là những từ có nghĩa trái ngược nhau*

già >< trẻ (tuổi tác)

gà mái già >< gà mái tơ
rau già >< rau non (giai đoạn phát triển)

(2) -> Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều nhóm từ trái nghĩa khác nhau
Từ (1) và (2) => Từ trái nghĩa

2. Ghi nhớ 1: SGK/ 128

II. Sử dụng từ trái nghĩa:

1. Ví dụ

Bảy nổi ba chìm

Buổi đực buổi cái

Bên trọng bên khinh

-> Tạo thế đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động

2. Ghi nhớ 2: SGK /128

C. Từ đồng âm

I. Thế nào là từ đồng âm:

1. Xét VD (sgk /135)

a. Nghĩa của từ Lồng

- Lồng(1): Chỉ hoạt động , động tác con ngựa .

- Lồng(2) : Chỉ đồ vật làm bằng tre, nứa, kim loại để nhốt vật nuôi

b. Nghĩa của các từ “Lồng” không có liên quan với nhau

-> Các từ “lồng” phát âm giống nhau, nhưng nghĩa khác xa nhau

=> Từ đồng âm

2. Ghi nhớ 1: sgk/135

III. Luyện tập:

1. Bài tập 1:

Cao 1: cây cao

Cao 2: nấu cao

Ba 1: số ba

Ba 2: ba má

Sức 1: sức lực

Sức 2: sức nước hoa

Nhè 1: nhè vào ta

Nhè 2: khóc nhè

Tranh 1: mái tranh

Tranh 2: tranh giành
Tuốt 1: đi tuốt
Tuốt 2: tuốt lúa
Sang 1: sang sông
Sang 2: giàu sang
Môi: môi khô
Môi 2: cái môi múc canh
Nam 1: phương Nam
Năm 2: nam nữ

*** Củng cố :**

Cần nắm kỹ về khái niệm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm

*** Hướng dẫn học ở nhà:** Học bài, xem và chuẩn bị bài tập ở mỗi bài trên

Tiết 31,32: TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ TRÁI NGHĨA, TỪ ĐỒNG ÂM

D.Luyện tập

***Từ đồng nghĩa**

1. Bài 1:

- Gan dạ- can đảm ; chó biển – hải cẩu
- nhà thơ- thi sĩ ; đòi hỏi – yêu cầu
- mổ xẻ – phẫu thuật ; năm học – niên khoá
- của cải – tài sản ; loài người – nhân loại
- nước ngoài- ngoại quốc ; thay mặt - đại diện

2. Bài 2:

- Máy thu thanh – Ra-đi-ô; xe hơi – ô tô
- Sinh tố – vi-ta-min ; dương cầm – pi- a-nô

3. Bài 3:

- Quả - trái; má- mẹ; bao diêm – hộp quẹt
- Tía – bố; anh hai – anh cả

4. Bài 4:

- Đưa – trao ; Đưa – tiễn
- Nói – chửi; Đi – mất

***Từ trái nghĩa**

1. Bài tập 1:

- + Lành - rách
- + Giàu – nghèo
- + Ngắn – dài
- + Đêm – ngày; Sáng – tối

2. Bài tập 2:

- Tươi : Cá tươi - Cá ươn
Hoa tươi- Hoa héo
- Yếu: + ăn yếu- ăn khoẻ
+ Học lực yếu - Học lực giỏi.
- Xấu : + Chữ xấu - Chữ đẹp
+ Đất xấu - Đất tốt

Bài 3:

- Chân cứng đá mềm
- Có đi có lại
- Gần nhà xa ngõ
- Mắt nhắm mắt mở
- Chạy sấp chạy ngửa
- Vô thưởng vô phạt
- Bên trọng bên khinh
- Buổi đục buổi cái
- Bước thấp bước cao
- Chân ướt chân ráo

***Từ đồng âm**

2. Bài tập 2:

a) “Cổ”

- Cổ₁: Bộ phận cơ thể nối đầu với thân.
(hương cao cổ, khăn quàng cổ ...)
 - Cổ₂: Bộ phận của áo, yếm, giàng bao quanh cổ và cổ chân (cổ áo, giày cao cổ...)
 - Cổ₃: Bộ phận nối liền giữa thân và miệng của đồ vật (cổ chai)
- b. Cổ₁: Bộ phận của cơ thể người, đồ vật nối đầu với thân (DT)
Cổ₂: Xưa (tính từ)

3. Bài tập 3:

- (1) Cả nhà đang ngồi bên bàn uống nước để bàn việc cưới chị tôi.
- (2) Con sâu đang ẩn sâu trong lá.
- (3) – Năm nay lớp 7C có năm bạn học sinh giỏi.

***Củng cố:** Xem lại các bài tập vừa làm.

***Dặn dò:** Làm các bài tập còn lại, chuẩn bị bài mới Cách lập ý của bài văn biểu cảm, ôn lại các bài đã học từ tuần 1 đến tuần 8 để chuẩn bị kiểm tra giữa kì tuần 9

Tiết 25: §11. SỐ VÔ TỈ. KHÁI NIỆM VỀ CĂN BẬC HAI

§12. SỐ THỰC

A. KHỞI ĐỘNG:

B. Hoạt động 1: *Tính hướng xuất phát*

1) Hãy tính

Giải

$$1^2 ; 3^2 ; (-3)^2 ; \left(\frac{-3}{2}\right)^2$$

$$1) 1^2 = 1 ; 3^2 = 9 ; (-3)^2 = 9 ;$$

$$\left(\frac{-3}{2}\right)^2 = \frac{9}{4}$$

2) Tìm x để a) $x^2 = 9$, b) $x^2 = 2$

2) a) $x^2 = 9 \Rightarrow x = 3$ hoặc $x = -3$

* ĐVĐ : Có số hữu tỉ nào bình phương

bằng 2 không? Hôm nay ta sẽ giải quyết vấn đề đó b) $x^2 = 2$ không tìm được x

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Số vô tỉ

Xét bài toán: sgk

Giải

$$S_{AEBF} = 1^2 = 1(m^2)$$

$$S_{ABCD} = 2S_{AEBF}$$

$$= 2.1 = 2(m^2)$$

Gọi độ dài cạnh của hình vuông ABCD là x. Ta có $x^2 = 2$

Người ta đã tính được: $x = 1,4142135623730950488016887...$

- Số này là một số thập phân vô hạn không tuần hoàn được gọi là số vô tỉ.

* Số vô tỉ là số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn không tuần hoàn.

Tập hợp số vô tỉ ký hiệu là I

2. Khái niệm về căn bậc hai

Nhận xét:

$$3^2 = 9 \quad ; \quad (-3)^2 = 9$$

Ta nói : 3 và -3 là các căn bậc hai của 9

Định nghĩa: Căn bậc hai của một số a không âm là số x sao cho $x^2 = a$

Ví dụ:

-Căn bậc hai của 16 là 4 và -4

-Căn bậc hai của $\frac{9}{25}$ là $\frac{3}{5}$ và $-\frac{3}{5}$

* Số dương a có đúng hai căn bậc hai là hai số đối nhau: Số dương kí hiệu là $\sqrt{a}$ và số âm kí hiệu là $-\sqrt{a}$. Số 0 có đúng một căn bậc hai là chính số 0, ta viết $\sqrt{0} = 0$.

Ví dụ: $\sqrt{16} = 4$; $-\sqrt{16} = -4$

[?2] Viết các căn bậc hai:

$$\sqrt{3}, \sqrt{10}, \sqrt{25}$$

3. Số thực. Biểu diễn số thực trên trục số

a. Số thực

Số hữu tỉ và số vô tỉ gọi chung là số thực.

Ví dụ: 1 ; -2 ; $\frac{3}{4}$; 0,75 ; 1, 2(3) ; 2,151617... ; $\sqrt{3}$, là các số thực.

Tập hợp các số thực gọi ký hiệu là R

Tập N, I, Q, Z là tập con của R

[?1] Cách viết $x \in R$ cho ta biết x có thể là số vô tỉ, cũng có thể là số hữu tỉ

* So sánh hai số thực tương tự như so sánh hai số hữu tỉ.

Ví dụ: $0,3192 < 0,32(5)$

[?2] So sánh các số thực

a) $2,(35) = 2,353535\dots$ nên $2,3535 < 2,3636\dots$

b. $\frac{-7}{11} = -0,636363\dots = -0,(63)$

* Với $a, b > 0$ nếu $a > b \Rightarrow \sqrt{a} > \sqrt{b}$

b. Biểu diễn số thực trên trục số: Sgk

- Mỗi số thực được biểu diễn bởi 1 điểm trên trục

- Ngược lại mỗi điểm trên trục số đều biểu diễn một số thực.

Kết luận : Các điểm biểu diễn số thực lấp đầy trục số

* Chú ý : Sgk

C. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

3. Bài tập: Chọn câu đúng, sai:

a. Đúng , b. Sai

c. Đúng , d. Đúng

Bài 82/41sgk

a) Vì $5^2 = 25$ nên $\sqrt{25} = 5$

b) Vì $7^2 = 49$ nên $\sqrt{49} = 7$

c) Vì $1^2 = 1$ nên $\sqrt{1} = 1$

d) Vì $\left(\frac{2}{3}\right)^2 = \frac{4}{9}$ nên $\sqrt{\frac{4}{9}} = \frac{2}{3}$

Bài 87/44sgk

$3 \in \mathbb{Q}, 3 \in \mathbb{R}, 3 \notin \mathbb{I}, -2,53 \in \mathbb{Q}; 0,2(35) \notin \mathbb{I}, \mathbb{N} \subset \mathbb{Z}, \mathbb{I} \subset \mathbb{R}$

Bài 88/44sgk

a) Nếu a là số thực thì a là số *hữu tỉ* hoặc số *vô tỉ*.

b) Nếu b là số vô tỉ thì b được viết dưới dạng *số thập phân vô hạn không tuần hoàn*

*HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

Học thuộc định nghĩa căn bậc hai và cách kí hiệu, phân biệt số hữu tỉ và số vô tỉ.

BTVN 83, 84 trang 41,42 SGK

BTVN : 90, 91, 92 tr 45 sgk

Ôn lại các tập hợp số đã học; các tính chất

Tiết 26 : LUYỆN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỀ SỐ THỰC

A. KHỞI ĐỘNG

<i>KIỂM TRA BÀI CŨ</i>	<i>ĐÁP ÁN</i>
- Hãy cho ví dụ về số tự nhiên, số nguyên âm, phân số, số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn, số vô tỉ, căn bậc hai của 1 số. * GV: Tất cả các tập hợp số đó hợp thành tập hợp số mới, Em hãy dự đoán xem đó là tập hợp nào ? Bài hôm nay ta sẽ tìm hiểu	- Số tự nhiên: 1; 2; 3; 4;..... - Số nguyên:.....; -1; -2; -3; 1; 2; 3; 4;..... - Số hữu tỉ:..... 1 ; -2 ; $\frac{3}{4}$; 0,75; 1, 2(3) - Số vô tỉ: 2,151617... ; $\sqrt{3}$, - Dự đoán câu trả lời về tập hợp số mới

B. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Bài 91/45SGK

a) $-3,02 < -3,01$; b) $-7,508 > -7,513$

c) $-0,49854 < -0,49826$;

d) $-1,90765 < -1,892$

Bài 92 / 45 SGK

$$a) -3,2 < -1,5 < \frac{-1}{2} < 0 < 1 < 7,4$$

$$b) |0| < \left| \frac{1}{-2} \right| < |1| < |-1,5| < |-3,2| < |7,4|$$

Bài 120 / 20 SBT

$$\begin{aligned} A &= (-5,85) + \{ [+41,3 + (+5)] + (+0,85) \} \\ &= -5,85 + 41,3 + 5 + 0,85 = (-5,85 + 5 + 0,85) + 41,3 = 41,3 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} B &= (-87,5) + \{ (+87,5) + [(+3,8) + (-0,8)] \} \\ &= -8,75 + 8,75 + 3,8 - 0,8 = (-8,75 + 8,75) + (3,8 - 0,8) = 3 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} C &= [(+9,5) + (-13)] + [(-5) + (+8,5)] \\ &= 9,5 - 13 - 5 + 8,5 = (9,5 + 8,5) + (-13 - 5) = 18 - 18 = 0 \end{aligned}$$

Bài 93 /45 sgk: Tìm x

$$\begin{aligned} a) 3,2x + (-1,2)x + 2,7 &= -4,9 \\ (3,2 - 1,2)x &= -4,9 - 2,7 \\ 2x &= -7,6 \\ x &= -3,8 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} b) -5,6x + 2,9x - 3,86 &= -9,8 \\ (-5,6 + 2,9)x &= -9,8 + 3,86 \\ -2,7x &= -5,94 \\ x &= 2,2 \end{aligned}$$

Bài 126 tr 21 sbt : Tìm x, biết

$$\begin{aligned} a) 3.(10x) &= 111 \\ 10x &= 111 : 3 = 37 \end{aligned}$$

$$x = 37 : 10 = 3,7$$

$$b) 3. (10 + x) = 111$$

$$10 + x = 111 : 3 = 37$$

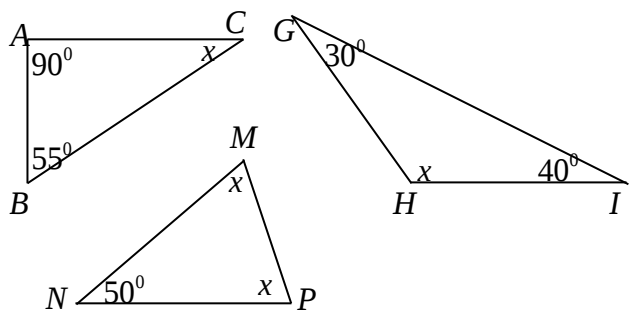
$$x = 37 - 10 = 27$$

* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Xem lại các dạng bài tập đã giải
- Làm các bài tập 95 tr 45 sgk,
- Chuẩn bị ôn tập chương I: Làm 5 câu hỏi ôn tập chương I tr 46 sgk

TIẾT 15: §1. TỔNG BA GÓC CỦA MỘT TAM GIÁC.(TT)

Bài 1 /107 sgk



Hình 47 : $\triangle ABC$ có $\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$

$$\text{Hay } 90^0 + 55^0 + x = 180^0$$

$$\Rightarrow x = 180^0 - (55^0 + 90^0) = 35^0$$

$$\text{Hình 48 : } \triangle GHI \text{ có } \hat{G} + \hat{H} + \hat{I} = 180$$

$$\text{Hay } 30 + x + 40 = 180$$

$$\Rightarrow x = 180 - (30 + 40)$$

$$\text{Hình 49: } \triangle MNP \text{ có } \hat{M} + \hat{N} + \hat{P} = 180$$

$$\text{Hay } x + 50 + x = 180 \text{ hay } 2x + 50 = 180$$

$$\Rightarrow x = (180 - 50) : 2 = 65$$

$$\text{Hình 50: } x = 180^0 - 40^0 = 140^0$$

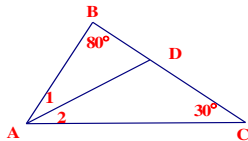
$$y = 60^0 + 40^0 = 100^0$$

$$\text{Hình 51: } x = 40^0 + 70^0 = 110^0$$

$$y = 180^0 - (40^0 + 110^0) = 30^0$$

Bài 2/108sgk

G	$\triangle ABC, \hat{B} = 80^0$ $\hat{C} = 30^0 ; \hat{A}_1 = \hat{A}_2$
KL	Tính $\hat{ADC} ; \hat{ADB}$



$$\hat{A} = 180^0 - (\hat{B} + \hat{C})$$

$$= 180^0 - (80^0 + 30^0) = 70^0$$

$$\hat{A}_1 = \hat{A}_2 = \frac{\hat{BAC}}{2} = \frac{70^0}{2} = 35^0$$

$$\hat{ADB} = 30^0 + 35^0 = 65^0 \text{ (Góc ngoài của } \triangle ADC)$$

$$\hat{ADC} = 80^0 + 35^0 = 115^0 \text{ (Góc ngoài của } \triangle ADB)$$

Hoạt động 4: Vận dụng Về nhà

vận dụng các kiến thức đã học trong bài. Áp dụng vào bài tập tính góc

Làm bài 2,4,5,6,7 / 108-109

TIẾT 16 : LUYỆN TẬP

- Phát biểu định lý về tổng số đo 3 góc của tam giác như sgk/106
- Nêu định nghĩa và tính chất góc ngoài tam giác như sgk/107.

Bài 3/108sgk

a) $\angle BIK > \angle BAK$

(Góc ngoài của $\triangle ABI$) (1)

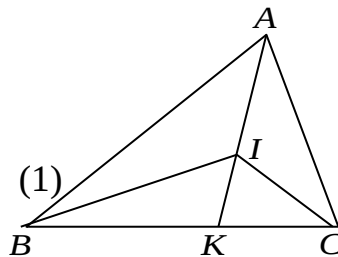
b) $\angle CIK > \angle CAK$

(Góc ngoài của $\triangle ACI$) (2)

Từ (1) và (2) Suy ra

$$\angle BIK + \angle CIK > \angle BAK + \angle CAK$$

Hay $\angle BIC > \angle BAC$



Bài 6 /108SGK

H.55: $\triangle AHI$ vuông tại H

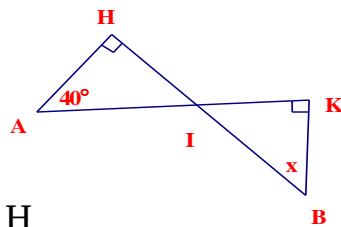
$$\rightarrow \angle A + \angle AIH = 90^\circ$$

$$\rightarrow \angle A = 90^\circ - \angle AIH \quad (1)$$

$$\triangle KIB \text{ vuông tại } K \rightarrow \angle B + \angle BIK = 90^\circ$$

$$\Rightarrow \angle B = 90^\circ - \angle BIK \quad (2)$$

$$\angle AIH = \angle BIK \text{ (đối đỉnh)} \quad (3)$$



Từ (1), (2) và (3) suy ra $\hat{A}$

$$= \hat{B} \Rightarrow x = 40^\circ$$

H.56:

$\triangle ABD$ vuông tại D:

$$\hat{A} + \hat{B} = 90^\circ$$

$\triangle AEC$ vuông tại E:

$$\hat{A} + \hat{C} = 90^\circ$$

$$\Rightarrow \hat{B} = \hat{C} = 25^\circ$$

H57: $x = 60^\circ$

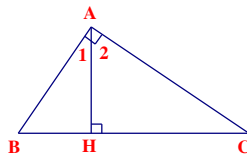
H58: $x = 125^\circ$

Bài 7 /109 sgk

a) Các cặp góc phụ nhau:

$\hat{A}_1$ và $\hat{A}_2$; $\hat{B}$ và $\hat{C}$

$\hat{A}_1$ và $\hat{B}$; $\hat{A}_2$ và $\hat{C}$



b) Các cặp góc nhọn bằng nhau:

$\hat{A}_1 = \hat{C}$ (cùng phụ với góc B)

$\hat{A}_2 = \hat{B}$ (cùng phụ với góc C)

***HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

Học thuộc các định lý về tổng ba góc trong tam giác, góc ngoài.

BTVN: 14; 15; 16; 17; 18/ SBT

Chuẩn bị giờ sau mang thước đo góc. Xem trước bài: "Hai tam giác bằng nhau" và cho biết hai tam giác bằng nhau cần những điều kiện gì ?

Bài thực hành 3: BẢNG ĐIỂM CỦA EM

Bài tập 4 :

Em hãy mở bảng tính mới và lập bảng điểm như hình dưới đây→ Lập công thức để tính điểm tổng kết của em theo từng môn học vào các ô tương ứng trong cột G.

	A	B	C	D	E	F	G
1	Bảng điểm của em						
2	Stt	Môn học	KT 15 phút	KT 1 tiết lần 1	KT 1 tiết lần 2	KT học kì	Điểm tổng kết
3	1	Toán	8	7	9	10	8.7
4	2	Vật lí	8	8	9	9	8.6
5	3	Lịch sử	8	8	9	7	7.9
6	4	Sinh học	9	10	9	10	9.6
7	5	Công nghệ	8	6	8	8	7.5
8	6	Tin học	8	9	9	9	8.8
9	7	Ngữ văn	7	6	8	8	7.3
10	8	Giáo dục CD	8	9	9	9	8.8

- Tính *Điểm tổng kết* là TB cộng của các điểm kiểm tra sau khi đã nhân hệ số (KT 15 phút : hệ số 1, KT 1 tiết : hệ số 2, KT học kì : hệ số 3).

VD : Tại ô G3 ta nhập công thức :

$$=(C3+D3*2+F3*2+g3*3)/8$$

- Lưu bảng tính với tên *Bảng điểm của em* và thoát khỏi chương trình.

Bài 4: SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN

1) Hàm trong chương trình bảng tính

- Hàm là công thức được định nghĩa từ trước, sử dụng hàm giúp việc tính toán dễ dàng và nhanh chóng hơn.

2) Cách sử dụng hàm

* Bước 1: Chọn ô để thực hiện

* Bước 2: Gõ dấu =

* Bước 3: Gõ hàm (đúng nguyên tắc hàm)

* Bước 4: Nhấn Enter

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: LỊCH SỬ 7

- Lưu ý: Học sinh chỉ ghi vào tập cột bên phải. Cột bên trái học sinh đọc sách trả lời câu hỏi bằng cách dùng bút chì gạch trong sách giáo khoa*

NỘI DUNG	PHẦN HỌC SINH GHI VÀO TẬP
TIẾT 15, 16 Bài 11: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075-1077)	
I. GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT (1075 – 1076) <u>1) Nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta</u> HS đọc sách giáo khoa trang 38,39, 40 trả lời các câu hỏi sau <i>Hỏi:</i> Tình hình nhà Tống trước khi xâm lược Đại Việt như thế nào ? <i>Hỏi:</i> Nhà Tống xâm lược Đại Việt nhằm mục đích gì ? <i>Hỏi:</i> Để chiếm được Đại Việt nhà Tống đã làm gì ? <i>Hỏi:</i> Chúng xúi giục Champa đánh lên từ phía nam nhằm mục đích gì ? <i>Hỏi:</i> Đứng trước âm mưu xâm lược đó, nhà Lý đã đối phó bằng cách nào ?	<u>I. GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT (1075 – 1076)</u> <u>1) Nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta</u> - Nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta để giải quyết tình hình khó khăn trong nước - Để đánh Đại Việt nhà Tống xúi giục Champa đánh lên phía Nam còn phía Bắc ngăn cản việc mua bán giữa hai nước. <u>2) Nhà Lý chủ động tiến công để phòng vệ</u>

Hỏi: Cho biết một vài nét về Lý Thường Kiệt

Hỏi: Trước tình hình quân Tống như vậy, Lý Thường

H: Kiệt thực hiện chủ trương đánh giặc như thế nào ?

Hỏi: Mục đích việc làm đó là gì ?

Hỏi: Tại sao nói đây là cuộc tấn công để tự vệ mà không phải là cuộc tấn công xâm lược ?

H: Trình bày diễn biến, kết quả cuộc tấn công vào đất Tống

Hỏi: Việc chủ động tấn công có ý nghĩa như thế nào?

II. GIAI ĐOẠN THỨ HAI (1076– 1077)

Hs đọc sách giáo khoa trang 40,41,42 trả lời các câu hỏi

a) Chuẩn bị

- Cử Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy
- Cho quân đội luyện tập, canh phòng
- Phong chức cho các tù trưởng
- Đem quân đánh Champa thắng lợi
- Lý Thường Kiệt có chủ trương “ tấn công trước để tự vệ”

b) Diễn biến

- Tháng 10.1075: 10 vạn quân chia làm 2 đạo tấn công vào đất Tống.
- Quân bộ: Do Tông Đản và Thân Cảnh phúc chỉ huy → Châu Ung (Quảng Tây).
- Quân thủy: Lý Thường Kiệt chỉ huy → Châu Khâm → Châu Liêm (Quảng Đông) → quân bao vây thành Chân Ung.

c) Kết quả

Sau 42 ngày đêm, quân ta đã giành được thắng lợi và rút về nước

d) ý nghĩa

Làm thay đổi kế hoạch và làm chậm lại cuộc tấn công xâm lược của nhà Tống vào nước ta

Hỏi: Sau khi rút quân khỏi Ung Châu, Lý Thường Kiệt đã làm gì ?

Hỏi: Tại sao Lý Thường Kiệt chọn sông Cầu làm phòng tuyến chống quân Tống?

Hỏi: Phòng tuyến sông Cầu được xây dựng như thế nào ?

Hỏi: Sau thất bại ở Ung Châu nhà Tống đã làm gì ?

II. GIAI ĐOẠN THỨ HAI

(1076– 1077

1) Kháng chiến bùng nổ

Lý Thường Kiệt hạ lệnh cho các địa phương ráo riết chuẩn bị phòng

Chọn phòng tuyến sông Cầu là nơi đối phó với quân Tống

a.Diễn biến

- Cuối năm 1076, quân Tống kéo vào nước ta

- Năm 1077, nhà Lý đã đánh nhiều trận nhỏ cản bước tiến của quân giặc

- Lý Kế Nguyên đã mai phục và đánh 10 trận liên tiếp ngăn bước tiến đạo quân thủy của giặc

b) Kết quả

Quân Tống đóng quân ở bờ bắc sông Cầu không lọt vào sâu được

2) Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt

a) Diễn biến

- Quách Quỳ cho quân vượt sông đánh phòng tuyến của ta nhưng bị quân ta phản công quyết liệt

<i>Hỏi:</i> Vì sao đang ở thế thắng mà Lý Thường Kiệt lại cử người đến thương lượng giảng hòa với giặc ? <i>Hỏi:</i> Nêu những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt <i>Hỏi:</i> Trận chiến trên phòng tuyến Như Nguyệt thắng lợi là do đâu <i>Hỏi:</i> Chiến thắng ở phòng tuyến Như Nguyệt có ý nghĩa gì	- Một đêm cuối xuân 1077, nhà Lý cho quân vượt sông bất ngờ đánh vào đồn giặc b) Kết quả - Quân giặc “ mười phần chết đến năm sáu phần” - Quách Quỳ chấp nhận “giảng hòa” và rút quân về nước c.Ý nghĩa : - Là trận đánh tuyệt vời trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc - Nền độc lập tự chủ của Đại Việt được củng cố - Nhà Tống từ bỏ mộng xâm lược Đại Việt
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. 1. Em hãy trình bày âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Tống 2. Nhà Lý đã làm gì trước âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Tống? 3. Hãy trình bày cuộc kháng chiến trên phòng tuyến Như Nguyệt của nhân dân ta 4. Vì sao nhân dân ta chống Tống thắng lợi? Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng này?	

NGÀNH GIUN ĐỐT

Tiết 15 - Bài 15

TH: HÌNH DẠNG NGOÀI – DI CHUYỂN CỦA GIUN ĐẤT

I. HÌNH DẠNG NGOÀI:

- Sống trong đất ẩm.
- Chất nhầy giúp da trơn
- Cơ thể dài, phân đốt, mỗi đốt có vòng tơ.
- Đối xứng 2 bên.
- Đầu có miệng, đuôi có lỗ hậu môn, đai sinh dục gồm 3 đốt, có lỗ sinh dục đực và cái.

II. DI CHUYỂN:

Nhờ cơ thể phình duỗi kết hợp với các vòng tơ làm chỗ tựa kéo cơ thể về 1 phía.

DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi 1,2,3 (SGK/55).
- Các nhóm chuẩn bị mẫu vật, mỗi nhóm 2 con giun đất (to)
- Học kỹ phân cấu tạo trong của giun đất
- Tiết sau cả lớp lên phòng thực hành.

Tiết 16 - Bài 16

TH: MÔ QUAN SÁT CẤU TẠO TRONG GIUN ĐẤT

I. CẤU TẠO TRONG:

- Có khoang cơ thể chính thức.
- Hệ tiêu hoá phân hoá gồm: miệng, hầu, diều, dạ dày, ruột tịt, hậu môn.
- Hệ tuần hoàn kín, máu màu đỏ.
- Hệ thần kinh hình chuỗi hạch và các dây thần kinh.

II. DINH DƯỠNG:

- Hô hấp qua da
- Thức ăn vào miệng, hầu, diều, dạ dày, ruột tịt. Chất dinh dưỡng qua thành ruột vào máu, chất bã tới hậu môn ra ngoài

III. SINH SẢN:

- Giun đất lưỡng tính,
- Ghép đôi để trao đổi tinh dịch.
- Đai sinh dục tuột ra khỏi cơ thể tạo kén chứa trứng. Trứng thụ tinh phát triển trong kén để thành giun non.

DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi 1,2,3 (SGK/55).
- Học kỹ phần cấu tạo trong của giun đất

Tuần 8- tiết 8- VL7

ÔN TẬP TỔNG KẾT PHẦN I- QUANH HỌC

III. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1.- Khi nào ta nhận biết được ánh sáng?

- Khi nào ta nhìn thấy một vật khi nào ?
- Nguồn sáng là gì ? Cho ví dụ ?

- Vật sáng là gì ? Cho ví dụ

2. Phát biểu định luật truyền thẳng của ánh sáng ?

- Thế nào là tia sáng ,là chùm sáng?

-Có mấy loại chùm sáng ? kể tên và nêu đặc điểm các loại chùm sáng đó

3.Bóng tối- Bóng nửa tối là gì ?

-Nhật thực là gì? Nhật thực xảy ra khi Mặt Trời,Mặt Trăng và Trái Đất ở những vị trí nào so với nhau?

-Nguyệt thực là gì? Nguyệt thực xảy ra khi Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất ở những vị trí nào so với nhau?

4. Phát biểu định luật phản xạ ánh sáng ? (TL/30)

5. Nêu các đặc điểm của ảnh của một vật được tạo bởi gương phẳng?

6- Nêu các đặc điểm của ảnh của một vật được tạo bởi gương cầu lồi ?

- So sánh vùng nhìn thấy của gương cầu lồi và gương phẳng khi các gương có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương ?

-Nêu ứng dụng của gương cầu lồi

7. Nêu các đặc điểm của ảnh của một vật được tạo bởi gương cầu lõm?

-Nêu ứng dụng của gương cầu lõm

IV. Bài tập

Câu 1: Ta nhận biết được ánh sáng khi

- A. Đang là ban ngày
- B. Có một nguồn sáng đặt trước mắt
- C. Ta đang mở mắt
- D. Có ánh sáng truyền vào mắt ta.

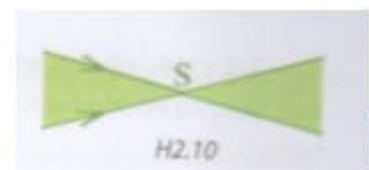
Câu 2: Ta nhìn thấy được một vật khi

- A. Vật là một nguồn sáng
- B. Ta đang mở mắt nhìn về phía vật
- C. Vật là một vật sáng
- D. Có ánh sáng từ vật đi vào mắt ta.

Câu 3: Môi trường đồng tính nào sau đây không thỏa điều kiện về sự truyền thẳng của ánh sáng?

- A. Không khí
- B. Thủy tinh
- C. Nước
- D. Sắt

Câu 4: Một chùm sáng truyền đi trong không khí được mô tả như hình H2.10. Nhận xét nào sau đây đúng ?



- A. Chùm sáng luôn là chùm sáng hội tụ khi truyền đi.
- B. Chùm sáng luôn là chùm sáng phân kì khi truyền đi.
- C. Chùm sáng là chùm sáng hội tụ khi truyền đến điểm S và là chùm sáng phân kì khi truyền ra xa điểm S.
- D. Chùm sáng là chùm sáng phân kì khi truyền đến điểm S và là chùm sáng hội tụ khi truyền ra xa điểm S.

Câu 5: Khi có nguyệt thực xảy ra:

- E. Mặt Trăng nằm trong bóng tối của Trái Đất
- F. Trái Đất nằm trong bóng tối của Mặt Trăng
- G. Mặt trăng che khuất Mặt Trời
- H. Mặt Trời ngừng không chiếu sáng Mặt Trăng nữa

Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng nhật thực

- A. Mặt Trời ngừng phát ra ánh sáng
- B. Mặt Trời bỗng nhiên biến mất
- C. Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất
- D. Người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất không được Mặt Trời chiếu sáng

Câu 7: Chiếu một tia sáng lên một gương phẳng ta thu được một tia phản xạ hợp với tia tới một góc 40° . Góc tới có giá trị bao nhiêu

- B. 10°
- B. 20°
- C. 40°
- D. 80°

Câu 8: Nội dung nào sau đây không thuộc định luật phản xạ ánh sáng:

- E. Góc phản xạ bằng góc tới.
- F. Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng tới chứa tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới.
- G. Tia phản xạ bằng tia tới.
- H. Góc hợp bởi tia tới và pháp tuyến bằng góc hợp bởi tia phản xạ và pháp tuyến.

Câu 9: Cho một điểm sáng S ở trước một gương phẳng có ảnh tạo bởi gương là S'. Phát biểu nào sau đây sai ?

- A. S' là ảnh ảo
- B. S' không hứng được trên màn chắn.
- C. S và S' đối xứng nhau qua gương.
- D. Các tia sáng từ S tới gương có các tia phản xạ cùng cắt nhau tại S'.

Câu 10: Một vật đặt trước một gương cầu lồi, đặc điểm nào sau đây của ảnh tạo bởi gương cầu lồi là sai ?

- A. Ảnh là ảnh ảo
- B. Ảnh không hứng được trên màn chắn.
- C. Độ lớn của ảnh nhỏ hơn độ lớn của vật.
- D. Khoảng cách từ vật và từ ảnh đến gương là bằng nhau.

Câu 11. So sánh nào sau đây về gương phẳng và gương cầu lồi là sai ?

- A. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở sau gương
- B. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở gần gương hơn vật.
- C. Khi một vật sáng đặt ở cùng vị trí trước gương phẳng và gương cầu lồi, mắt nhìn thấy ảnh qua gương phẳng lớn hơn ảnh qua gương cầu lồi.
- D. Vùng nhìn thấy của gương phẳng hẹp hơn vùng nhìn thấy của gương cầu lồi có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương.

Câu 12: Một số gương dùng trong cuộc sống, khi soi vào ta thấy hình ảnh của khuôn mặt mình lớn hơn nhiều so với mặt. Gương soi là

- A. gương phẳng.
- B. gương cầu lõm.
- C. gương cầu lồi.
- D. gương cầu (lõm hoặc lồi).

Câu 13: Bếp mặt trời là một thiết bị ứng dụng của gương cầu lõm trong cuộc sống, dựa trên đặc điểm gương cầu lõm có thể biến đổi

- E. chùm tia tới phân kì thành chùm tia phản xạ song song
- F. chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ phân kì

G. chùm tia tới hội tụ thành chùm tia phân xạ song song

H. chùm tia tới song song thành chùm tia phân xạ hội tụ

TUẦN 8- 9

TIẾT 8- 9

BÀI 6: TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO

- _ Học sinh đọc bài và thực hiện các yêu cầu sau:
- _ Ghi nội dung bài học vào vở.
- _ Tuần 8: Học tất cả các hoạt động.
- _ Tuần 9: Luyện tập, làm bài tập SGK và thực hiện ghi chép bổ sung vở nếu chưa thực hiện đầy đủ.

HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU BÀI MỚI:

Tục ngữ có câu:

- Nhất tự vi sư bán tự vi sư.
- Không thầy đố mày làm nên.

=> Tục ngữ trên thể hiện sự tôn sư trọng đạo.

HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA HS		NỘI DUNG BÀI GHI CỦA HS
HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU TRUYỆN: BỐN MƯƠI NĂM NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU		
GV: HS đọc truyện trong SGK	HS:Tự Đọc truyện diễn cảm.	<u>I/Tìm hiểu truyện đọc:</u>

1. Cuộc gặp gỡ giữa thầy và trò trong truyện có gì đặc biệt về thời gian? 2. Những chi tiết nào trong truyện chứng tỏ sự biết ơn của học trò cũ đối với thầy giáo Bình? 3. Học sinh kể những kỉ niệm về những ngày thầy giáo dạy nói lên điều gì?	Học sinh suy nghĩ Trả lời	<u>Kết luận:</u> - Nói lên lòng biết ơn thầy giáo cũ của các em học sinh.
--	---	---

HOẠT ĐỘNG 3 : TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

Trên cơ sở tìm hiểu nội dung câu chuyện HS tự tìm hiểu khái niệm tôn sư trọng đạo và truyền thống tôn sư trọng đạo. ?: Tôn sư là gì? HS suy nghĩ và giải thích - Trọng đạo là gì? Câu tục ngữ: Không thầy đố mày làm nên. Rút ra kết luận về nghĩa của hai câu tục ngữ.	Suy nghĩ, trả lời Suy nghĩ, trả lời	<u>II: Nội dung bài học:</u> 1, Khái niệm: - Tôn sư: Tôn trọng, kính yêu, biết ơn thầy cô giáo ở mọi nơi, mọi lúc. - Trọng đạo: Coi trọng những lời thầy dạy trọng đạo lí làm người. 2, Biểu hiện: - Tình cảm, thái độ làm vui lòng thầy cô giáo. - Hành động đền ơn đáp nghĩa. - Làm những điều tốt đẹp để xứng đáng với thầy cô giáo 3, Ý nghĩa: - Là truyền thống quý báu của dân tộc
--	---	---

- Trong thời đại ngày nay, câu tục ngữ trên còn đúng nữa không? - Hãy nêu những biểu hiện của tôn sư trọng đạo?		Thể hiện lòng biết ơn của thầy cô giáo cũ. - Là nét đẹp trong tâm hồn con người, làm cho mối quan hệ người-người gắn bó, thân thiết.
--	--	---

HOẠT ĐỘNG 4: BÀI TẬP LUYỆN TẬP

HS làm bài tập liên hệ thực tế. - Nêu biểu hiện tôn sư trọng đạo của một số HS hiện nay? - Quan niệm của thời đại ngày nay về truyền thống tôn sư trọng đạo? kết luận: Chúng ta khôn lớn như ngày nay, phần lớn là nhờ sự dạy dỗ của thầy, cô giáo. Các thầy cô giáo không những giúp ta mở mang trí tuệ mà giúp chúng ta biết phải sống sao cho đúng với đạo làm con, đạo làm trò, làm người. Vì vậy chúng ta phải có bốn phận là chăm học, chăm làm; vâng lời thầy cô giáo, lễ độ với mọi người.	Học sinh làm BT vào vở	<u>III-Bài tập.</u> Bài tập a : Đáp án đúng: 1,3 Bài tập b: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" " Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng" ' Một chữ cũng là thầy Nửa chữ cũng là thầy" (Nhất vi sư, bán tị vi sư) "Không thầy đố mày làm nên" 'Muốn sang thì bắc cầu kiều Muốn con hay chữ thì yêu kính thầy" " Ân trả, nghĩa đền" Bài tập c: Đáp án 5.
---	-------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG 5: Hướng dẫn học sinh học ở nhà.

- _ Học thuộc NDBH
- _ Làm tất cả các bài tập SGK
- _ Ôn lại tất cả các bài chuẩn bị tuần 10 kiểm tra giữa kỳ.

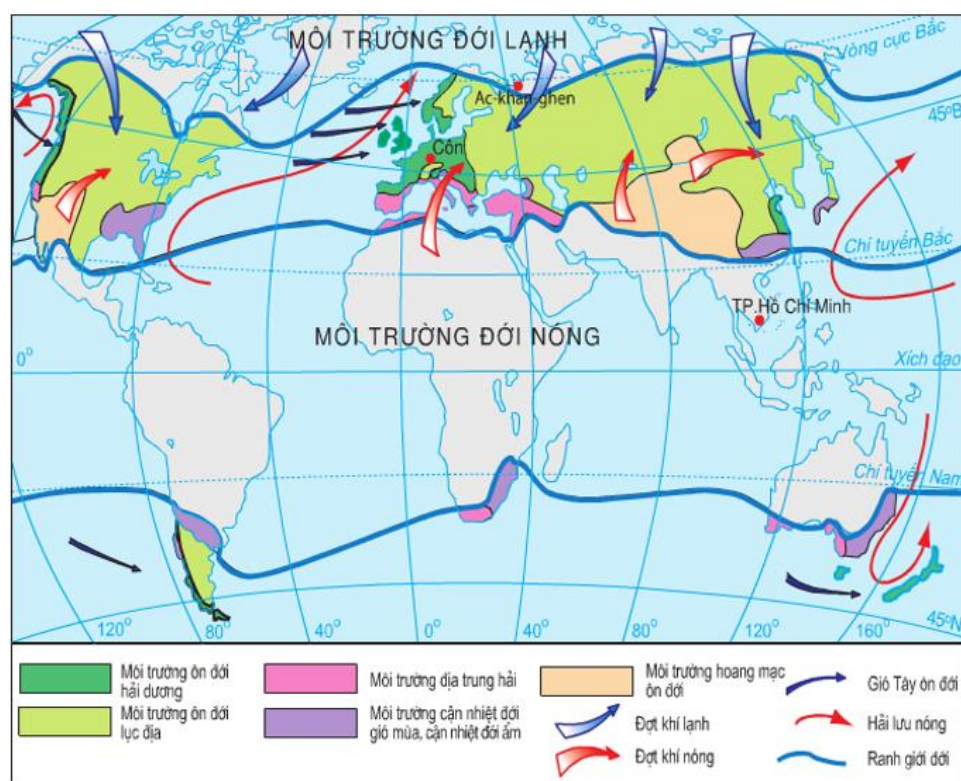
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÍ 7-TUẦN 8

BÀI 13: MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HÒA (2 tiết)

I.TÌM HIỂU BÀI

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Quan sát hình sau ,bảng số liệu, biểu đồ hình 13.1 SGK, kết hợp phần nội dung SGK và trả lời câu hỏi sau:



Hình 13.1 - Lược đồ những yếu tố gây biến động thời tiết ở đới ôn hoà

- Xác định và nêu phạm vi đới ôn hoà? Nhận xét diện tích đất nổi ở Bắc bán cầu và Nam bán cầu thuộc đới ôn hoà?

- Dựa vào bảng số liệu nhận xét nhiệt độ và lượng mưa giữa đới ôn hoà với đới nóng và đới lạnh?
- Nhận xét nhiệt độ và lượng mưa của đới ôn hòa so với các đới khác?
- Thời tiết đới ôn hòa có đặc điểm gì?
- Phân tích yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Dựa vào nội dung sách giáo khoa trả lời các câu hỏi sau:

- Đới ôn hoà 1 năm có mấy mùa? Đó là những mùa nào? Thực vật và thời tiết từng mùa như thế nào ?
- Nêu tên và xác định vị trí các kiểu môi trường đới ôn hòa. HS rút ra những đặc điểm khí hậu của các môi trường ở đới ôn hòa thông qua bảng sau:

Nội dung	Ôn đới hải dương	Ôn đới lục địa	Địa trung hải
Khí hậu			
Cảnh quan			
Phân bố			

- Đới ôn hoà quanh năm chịu ảnh hưởng những yếu tố nào?
- Vai trò của dòng biển nóng và gió tây ôn đới đối với khí hậu đới ôn hòa.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC

1.Vị trí đới ôn hòa

Đới ôn hòa nằm giữa đới nóng và đới lạnh (từ chí tuyến đến vòng cực ở cả 2 bán cầu)
Phần lớn diện tích đất nổi của đới nằm ở bán cầu Bắc

2. Khí hậu:

Đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh, thời tiết thay đổi thất thường.

3. Sự phân hoá của môi trường

Theo thời gian: một năm có 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông.

Theo không gian: thiên nhiên thay đổi từ Bắc xuống nam theo vĩ độ, từ Đông sang Tây theo ảnh hưởng của dòng biển và gió Tây ôn đới

III. LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG

Học sinh vẽ SƠ ĐỒ TƯ DUY khái quát về nội dung bài học

TIẾT 8: VAI TRÒ CỦA GIỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN TẠO GIỐNG CÂY TRỒNG

I.Vai trò của giống cây trồng tốt

- Giống tốt làm tăng năng suất, chất lượng nông sản, tăng vụ, thay đổi cơ cấu cây trồng.

II.Tiêu chí của giống cây tốt

- Sinh trưởng tốt trong điều kiện khí hậu, đất đai và trình độ canh tác của địa phương.

- Có chất lượng tốt

- Có năng suất cao và ổn định.

- Chống chịu được sâu bệnh.

III.Phương pháp chọn tạo giống cây trồng:

1.Phương pháp chọn lọc

Từ nguồn giống khởi đầu chọn cây có đặc tính tốt thu lấy hạt gieo hạt của cây đã chọn sau đó so sánh với giống khởi đầu và giống địa phương. Nếu đạt được những tiêu chí của giống cho sản xuất đại trà

2.Phương pháp lai:

Lấy phần hoa của cây làm bộ thụ phấn với nhụy cây mẹ gieo trồng ta được cây lai

3. Phương pháp gây đột biến : Sử dụng các tác nhân vật lí hoặc tác nhân hóa học để xử lí các bộ phận của cây dùng bộ phận của cây đã xử lí tạo ra những cây đột biến chọn những cây đột biến làm giống

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tiết 22:	Tiếng anh lớp 7 UNIT 4 : AT SCHOOL LESSON 4 : B . THE LIBRARY (B4)
Look at picture B4 in the book: Đọc và trả lời câu hỏi	<u>1. New words</u> librarian's desk study area: khu vực đọc sách together (adv): cùng nhau center (n): trung tâm receive(v): nhận copy (n;v): bản sao; sao chép contain (v): bao gồm employ (v): thuê, mướn → employer (n): chủ, người sử dụng lao động → employee (n): nhân viên, người lao động Congress (n) Quốc hội
	2. Practice * Key: a. It's in Washington D.C , the capital city of the USA b. It has over 100 million books c. It has about 1000 km of shelves d. over 5000 employees work there e. Because it receives copies of all American books
Chuẩn bị bài tiếp theo	<u>3. Homework</u> - Learn the new words and the text by heart

	- Prepare for the next lesson : Unit 4 : A6,7, B3,5
Tiết 23	UNIT 4 : AT SCHOOL LESSON 5 : Hướng dẫn tự học A6,7, B3,5
Đọc bài 6 trang 44 và trả lời đúng/sai	1.New words school unifrom (n): đồng phục a 20-minute break: giờ giải lao 20 phút cafeteria (n): quán ăn tự phục vụ snacks (n) món ăn vặt popular (a): phổ biến baseball (n): bóng chày football (n) = soccer (n): bóng đá wear (v): mặc, đội, mang sell (v): bán → seller (n): người bán hàng
	2.Schools in the USA * Key: a) T b) F (There are no lessons on Saturday) c) F (one break is in the morning, and the other is in the afternoon) d) T e) F (The school cafeteria opens at lunch time and also at breaks) f) F (basketball is one of the most popular after school activities)
Chuẩn bị bài tiếp theo	<u>3. Homework</u> - Learn the new words and the text by heart - Prepare for the next lesson : revision
Tiết 24	Revision
	A. GRAMMAR 1. Hỏi và trả lời về thời gian: What time is it? It is giờ + phút What time is it ? (= What is the time ?) ⇒① <i>It's + giờ+ phút</i> (5:20→ It's five twenty / 3:15 → It's three fifteen) ⇒② <i>It's +phút + <u>past</u> (hơn,quá) + giờ:</i> (5:10→ It's ten past five /3:15→ It's a quarter past three) <u>To (kém)</u> : (5:50→ It's ten to six /11:45→ It's a quarter to twelve)

	(15 phút = a quarter / 30 phút = half past → 11:30 = It's half past eleven.) * What time do you get up? -> I get up at..... 2. Thì hiện tại tiếp diễn: *Structure: S+am/is/are +V+ing +O S+am/is/are +not+V+ing +O Am/Is/Are +S+ V+ing +O ? Ex1:<i>I'm teaching</i> (teach)<i>now</i> Ex2:She <i>is reading</i>(read)a book <i>at the moment</i>. Thường dùng với adv :now=at the moment =at the present:bây giờ. • 1: teach→ <i>teaching</i> /read→ <i>reading</i>/ study→ <i>studying</i> • 2:write→<i>writing</i>/come→ <i>coming</i> (boû “e” cuối) • 3:chat→ <i>chatting</i> /swim→ <i>swimming</i> /skip →<i>skipping</i> /run→ <i>running</i> 3. SUBJECTS :(Môn học) 1.Math:Tóan 2.Physics:Lý 3.Chemistry:Hóa 4.Literature:Văn 5.History : sử 6.Geography: địa 7.Biology: Sinh 8.English:T.Anh 9.Physical Education:T.Dục 10.Civic Education : GD&CD 11.Art:Mỹ thuật 12.Music :Nhạc 13.Technology:Kỹ thuật 14.Electronics:Môn điện tử 15.Computer Science:Môn vi tính - What is your favorite subject? -> I like Math.
Chuẩn bị bài tiếp theo	<u>3. Homework</u> - Learn the new words and the text by heart

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ÂM NHẠC 7

Chủ đề 2: ÂM NHẠC DÂN TỘC

TUẦN 8

ÔN TẬP – KIỂM TRA

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức, kĩ năng:

a. Kiến thức

- HS biết:
 - + Hát đúng và thuộc lời ca của hai bài hát : *Mái trường mến yêu* và *Lí cây đa*.
 - + HS nhận biết được nhịp lấy đà.
- HS hiểu: cách hát kết hợp các hình thức gõ đệm, trình bày bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...
- HS vận dụng:
 - + Phân biệt được nhịp $\frac{2}{4}$, nhịp $\frac{3}{4}$, nhịp $\frac{4}{4}$. Cách đánh nhịp $\frac{4}{4}$
 - + HS đọc đúng giai điệu, ghép lời ca các bài TĐN số 1,2,3. Biết hình tiết tấu có trong bài TĐN.

b. Kĩ năng:

- HS tập kĩ năng hát kết hợp với biểu diễn dưới hình thức nâng cao.
- HS tiếp tục rèn luyện kĩ năng đọc nhạc.
- HS tập làm những bài tập áp dụng từ phần nhạc lí đã được học.

2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

a. Các phẩm chất

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước

b. Năng lực chung

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.

c. Năng lực chuyên biệt

- Hiểu biết âm nhạc.
- Thực hành âm nhạc.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Soạn bài, SGK, Hướng dẫn thực hiện Chuẩn KT-KN, nhạc cụ.
- Máy chiếu.

2. Học sinh:

- Ôn tập lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.
- SGK, vở ghi, VBT, đồ dùng học tập.

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động (5p):

- GV cho h/s hát 1 bài hát tập thể.

B. HĐ hình thành kiến thức mới (30p):

Hoạt động của giáo viên	HD của HS	Nội dung
HD 1: Ôn tập hai bài hát (12p) 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gv đàn cho HS luyện thanh theo mẫu âm đơn giản.  - Giáo viên đàn, thực hiện mẫu trước, bắt nhịp HS thực hiện. - Cho HS nghe lại giai điệu của từng bài hát, hướng dẫn Hs ôn luyện từng bài kết hợp một số động tác phụ họa phù hợp. - Gọi HS lên bảng trình bày theo nhóm và cá nhân, Gv đệm đàn. 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét cách trình bày của hs. - GV chốt kiến thức.	2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Nghe giai điệu 2 bài hát. - Ôn luyện theo hướng dẫn. 3. Báo cáo kết quả và thảo luận - Thực hiện hát theo nhóm. - HS nhận xét chéo nhóm.	1. Ôn tập 2 bài hát : a. Mái trường mến yêu. b. Lí cây đa.
HD 2: Ôn tập 3 bài TĐN (12p) 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gv cho hs ôn lại 3 bài TĐN - TĐN số 1,2,3 : + Gv đàn cho HS đọc lại gam Gdur và các trục âm của gam.	2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Thực hiện ôn tập và kiểm tra theo Gv hướng dẫn.	2. Ôn tập 2 bài TĐN. a. TĐN số 1 : - Ca ngợi Tổ Quốc. b. TĐN số 2: - Ánh trăng. c. TĐN số 3. - Đất nước tươi đẹp sao.

+ Gv đàn giai điệu 3 bài TĐN cho HS nghe. + Gv đàn - HS đọc và ghép lời 2 bài TĐN chéo giữa các nhóm với nhau. + Gọi từng nhóm 2 HS lên bảng đọc nhạc và ghép lời - gọi HS khác nhận xét + Yêu cầu HS lên bảng ghi lại âm hình tiết tấu của 3 bài TĐN sau đó cả lớp gõ tiết tấu. + Gv nghe và sửa sai ngay tại lớp. + Gv đặt câu hỏi kiểm tra. 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét cách trình bày của hs. - GV chốt kiến thức. HD 3: Ôn tập nhạc lí (6p) 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn hs ôn tập : H: Trình bày khái niệm nhịp C? Vẽ sơ đồ cách đánh nhịp C? H: So sánh điểm giống và khác nhau giữa nhịp C với nhịp $\frac{2}{4}$ và $\frac{3}{4}$?	3. Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc và ghép lời ca theo nhóm. - HS nhận xét, đánh giá chéo 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Thực hiện ôn tập theo hướng dẫn.	3. Ôn tập Nhạc lí. a. Nhịp C. b. Nhịp lấy đà
--	---	--

.....

.....

.....

.....

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1-NH 2021-2022

MÔN : VẬT LÝ 7

Thời gian: 45 phút

(Lưu ý: Mỗi câu 0,5 điểm)

Câu 1: Ta nhận biết được ánh sáng khi

- A. Đang là ban ngày
- B. Có một nguồn sáng đặt trước mắt
- C. Ta đang mở mắt
- D. Có ánh sáng truyền vào mắt ta.

Câu 2: Ta nhìn thấy được một vật khi

- A. Vật là một nguồn sáng
- B. Ta đang mở mắt nhìn về phía vật
- C. Vật là một vật sáng
- D. Có ánh sáng từ vật đi vào mắt ta.

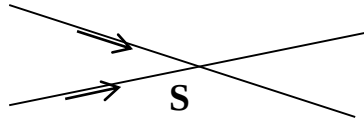
Câu 3: Môi trường đồng tính nào sau đây không thỏa điều kiện về sự truyền thẳng của ánh sáng?

- A. Không khí
- B. Thủy tinh
- C. Nước
- D. Sắt

Câu 4: Một chùm sáng truyền đi trong không khí được mô tả như hình . Nhận xét nào sau đây đúng ?

- A. Chùm sáng luôn là chùm sáng hội tụ khi truyền đi.
- B. Chùm sáng luôn là chùm sáng phân kì khi truyền đi.
- C. Chùm sáng là chùm sáng hội tụ khi truyền đến điểm S và là chùm sáng phân kì khi truyền ra xa điểm S.

D. Chùm sáng là chùm sáng phân kì khi truyền đến điểm S và là chùm sáng hội tụ khi truyền ra xa điểm S.



Câu 5: Khi có nguyệt thực xảy ra:

- I. Mặt Trăng nằm trong bóng tối của Trái Đất
- J. Trái Đất nằm trong bóng tối của Mặt Trăng
- K. Mặt trăng che khuất Mặt Trời
- L. Mặt Trời ngừng không chiếu sáng Mặt Trăng nữa

Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng nhật thực

- A. Mặt Trời ngừng phát ra ánh sáng
- B. Mặt Trời bỗng nhiên biến mất
- C. Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất
- D. Người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất không được Mặt Trời chiếu sáng

Câu 7: Chiếu một tia sáng lên một gương phẳng ta thu được một tia phản xạ hợp với tia tới một góc 40° . Góc tới có giá trị bao nhiêu

- C. 10°
- D. B. 20°
- E. C. 40°
- F. D. 80°

Câu 8: Nội dung nào sau đây không thuộc định luật phản xạ ánh sáng:

- I. Góc phản xạ bằng góc tới.
- J. Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng tới chứa tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới.
- K. Tia phản xạ bằng tia tới.
- L. Góc hợp bởi tia tới và pháp tuyến bằng góc hợp bởi tia phản xạ và pháp tuyến.

Câu 9: Cho một điểm sáng S ở trước một gương phẳng có ảnh tạo bởi gương là S'. Phát biểu nào sau đây sai ?

- A. S' là ảnh ảo
- B. S' không hứng được trên màn chắn.
- C. S và S' đối xứng nhau qua gương.
- D. Các tia sáng từ S tới gương có các tia phản xạ cùng cắt nhau tại S'.

Câu 10: Một vật đặt trước một gương cầu lồi, đặc điểm nào sau đây của ảnh tạo bởi gương cầu lồi là sai ?

- A. Ảnh là ảnh ảo
- B. Ảnh không hứng được trên màn chắn.

C. Độ lớn của ảnh nhỏ hơn độ lớn của vật.

D. Khoảng cách từ vật và từ ảnh đến gương là bằng nhau.

Câu 11: So sánh nào sau đây về gương phẳng và gương cầu lõm là sai ?

A. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lõm đều ở sau gương

B. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lõm đều ở gần gương hơn vật.

C. Khi một vật sáng đặt ở cùng vị trí trước gương phẳng và gương cầu lõm, mắt nhìn thấy ảnh qua gương phẳng lớn hơn ảnh qua gương cầu lõm.

D. Vùng nhìn thấy của gương phẳng hẹp hơn vùng nhìn thấy của gương cầu lõm có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương.

Câu 12: Một số gương dùng trong cuộc sống, khi soi vào ta thấy hình ảnh của khuôn mặt mình lớn hơn nhiều so với mặt. Gương soi là

A. gương phẳng.

B. gương cầu lõm.

C. gương cầu lồi.

D. gương cầu (lõm hoặc lồi).

Câu 13: Bếp mặt trời là một thiết bị ứng dụng của gương cầu lõm trong cuộc sống, dựa trên đặc điểm gương cầu lõm có thể biến đổi

I. chùm tia tới phân kì thành chùm tia phản xạ song song

J. chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ phân kì

K. chùm tia tới hội tụ thành chùm tia phản xạ song song

L. chùm tia tới song song thành chùm tia phản xạ hội tụ

Câu 14: Nếu tia tới hợp với gương một góc 45^0 thì góc phản xạ là:

A. 30^0

B. 45^0

C. 60^0

D. 90^0

Câu 15: Một người cao 1,6m đứng trước gương phẳng, cho ảnh cách gương 1,8 m.

Hỏi người đó cách gương bao nhiêu?

A. 1,6m

B. 1,8m

C. 3,2m

D. 3,6m

Câu 16: Vật nào dưới đây không phải nguồn sáng

A. Mặt Trời

B. Mặt Trăng

C. Ngọn nến đang cháy

D. Cục than gỗ đang nóng đỏ

Câu 17: Chọn phát biểu đúng:

A. Ảnh của một vật qua gương phẳng luôn luôn nhỏ hơn vật

- B. Ảnh của một vật qua gương phẳng có thể lớn hơn vật tùy thuộc vào vị trí đặt vật trước gương.
- C. Nếu đặt màn ở vị trí thích hợp, vật ở vị trí trước gương, ta có thể hứng được ảnh của vật tạo bởi gương phẳng
- D. Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng luôn có kích thước bằng vật

Câu 18: Gương cầu lồi được sử dụng làm kính chiếu hậu trên xe mô tô vì:

- A. Cho ảnh bằng vật và rõ
- B. Vùng quan sát phía sau qua gương rộng
- C. Dễ chế tạo
- D. Cho ảnh to và rõ

Câu 19: Các vật nào sau đây có thể coi là gương cầu lõm:

- A. Chóa đèn pin
- B. Pha đèn ô tô
- C. Gương dùng để thu và hội tụ ánh sáng Mặt Trời
- D. Các câu trên đều đúng

Câu 20: Phát biểu nào dưới đây là đúng?

- A. Góc phản xạ bằng góc tới
- B. Góc phản xạ lớn hơn góc tới
- C. Góc tới khác góc phản xạ
- D. Góc tới lớn hơn góc phản xạ

Tuần: 9

Tiết 33,34 : CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

I. Những cách lập ý thường gặp của văn biểu cảm

1. Liên hệ hiện tại với tương lai.

* Đoạn văn trích: Cây tre VN của Thép Mới

- Đoạn văn lập ý bằng cách liên hệ hiện tại với tương lai

+ Từ thực tế tương lai đất nước: Sắt, thép, xi măng cốt thép, tác giả đã nhớ về hình ảnh gần gũi, thân thuộc không thể thiếu của cây tre VN.

- Từ đó bộc lộ cảm xúc: Yêu mến, gắn bó, gần gũi, và sự am hiểu về cây tre.

- Tác giả biểu cảm trực tiếp bằng các biện pháp:

+ Liên tưởng

+ Điệp từ, cấu trúc câu

+ Dùng câu, cảm thán

+ Cách nói ẩn dụ, nhân hoá...

2. Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại.

* Đoạn văn: Người ham chơi (theo Hoàng phủ Ngọc Tường)

- Tác giả say mê con gà đất

- + Tôi say mê nhất là con gà đất
- + Đến bây giờ, tôi vẫn còn cảm nhận ...
- + Còn gì vui hơn ... sớm mai.
- Gọi cảm xúc yêu mến, gắn bó với con gà đất (1 thứ đồ chơi dân gian thuở ấu thơ) mở rộng ra: Là cảm nghĩ đối với đồ chơi trẻ em.
- Đoạn văn trên lập ý bằng cách hồi tưởng quá khứ (về kỷ niệm say mê con gà đất) mà suy nghĩ về hiện tại (suy nghĩ về những đồ chơi trẻ con)

3. Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước.

Đoạn văn 1:

- Dùng hình thức tưởng tượng tình huống để bày tỏ tình cảm đối với cô giáo
- Tác giả đã tưởng tượng, nhớ lại những kỷ niệm: Cô giữa đàn con nhỏ.
- + Nghe tiếng cô đọc bài
- + Cô theo dõi lớp học
- + Cô thất vọng khi 1 em cầm bút viết sai...
- Tình cảm yêu quý, kính trọng và biết ơn

4. Quan sát và suy ngẫm:

- Hình ảnh bóng dáng và nét mặt của mẹ:
- + “Cái bóng đen dài ... và tiếng thở dài”
- + “Tóc đường ngôi.....lưa thưa”
- + “Lúc u tối cười hai bên gò má”
- + “Hai hàm răng...mấy năm nay”
- Quan sát kỹ, miêu tả chi tiết, sinh động □ hình ảnh được biểu cảm hiện lên rõ nét □ tình cảm càng thể hiện sâu sắc hơn.
- * Kết luận: Ghi nhớ SGK- T121

II. Luyện tập

* Bài tập :

Tập lập ý bài văn biểu cảm cho đề bài:

“Cảm xúc về vườn nhà”

1. Tìm hiểu đề:

- Thể loại: Biểu cảm
- Nội dung: Cảm xúc về vườn nhà
- Tình cảm: Yêu mến gắn bó

2. Tìm ý: Trả lời các câu hỏi ở phần 2

3. Lập dàn bài:

a. Mở bài:

- Giới thiệu vườn và tình cảm của mình đối với vườn nhà.

b. Thân bài:

- Miêu tả vườn, lai lịch của vườn.
- Vườn gắn bó với cuộc sống vui buồn của gia đình.
- Vườn và lao động của cha mẹ

- Vườn qua 4 mùa

c. Kết bài

- Cảm xúc về vườn nhà

*** Củng cố, luyện tập:** Những cách lập ý thường được gặp của bài văn biểu cảm?

*** Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc ghi nhớ, tìm ý và lập dàn bài cho các đề còn lại.

- Ôn và xem kĩ lại các bài đã học để hai tiết sau làm bài kiểm tra giữa kì I

Tiết 35,36: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Tiết 17 : ÔN TẬP CHƯƠNG I

A. KHỞI ĐỘNG

<i>Hoạt động</i>	<i>Nội dung</i>
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Cá nhân HS lần lượt trình bày các câu hỏi phần ôn tập chương I. GV nhận xét, đánh giá, chốt lại các kiến thức cơ bản đã học trong chương	I. Ôn tập $N \subset Z ; Z \subset Q ; Q \subset R ; I \subset R$ $Q \cup I = R , Q \cap I = \emptyset$ 1. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số 2. Các phép toán về số hữu tỉ. 3. Giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ. $ x = \begin{cases} x & \text{nếu } x \geq 0 \\ -x & \text{nếu } x < 0 \end{cases}$ 4. Các công thức về lũy thừa của một số hữu tỉ. 5. Tỷ lệ thức và tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.

	6. Số vô tỉ. Căn bậc hai của một số không âm.
--	---

B. ÔN TẬP – LUYỆN TẬP

II. Bài tập

Bài 1: Thực hiện phép tính

$$a) 1\frac{4}{23} + \frac{5}{21} - \frac{-4}{23} + 0,5 + \frac{16}{21} = \left(1\frac{4}{23} - \frac{4}{23}\right) + \left(\frac{5}{21} + \frac{16}{21}\right) + 0,5 = 1 + 1 + 0,5 = 2,5$$

$$b) \frac{3}{7} \cdot 19 - \frac{3}{7} \cdot 33 \frac{1}{3} = \frac{3}{7} \left(19\frac{1}{3} - 33\frac{1}{3}\right) = \frac{3}{7} \cdot (-14) = -6$$

$$c) 15\frac{1}{4} : \frac{-5}{7} - 25\frac{1}{4} : \frac{-5}{7} = \left(15\frac{1}{4} - 25\frac{1}{4}\right) : \frac{-5}{7} = (-10) \cdot \frac{-7}{5} = 14$$

Bài 97/ 49 SGK: Tính nhanh :

$$a) (-6,37 \cdot 0,4) \cdot 2,5 = -6,37 \cdot (0,4 \cdot 2,5) = -6,37 \cdot 1 = -6,37$$

$$b) (-0,125) \cdot (-5,3) \cdot 8 = (-0,125 \cdot 8) \cdot (-5,3) = -1 \cdot (-5,3) = 5,3$$

Bài 98 /49 SGK: Tìm y

$$\begin{array}{l|l} b) y : \frac{3}{8} = -1\frac{31}{33} & c) 1\frac{2}{5} \cdot y + \frac{3}{7} = \frac{-4}{5} \\ & \frac{7}{5}y = \frac{-4}{5} - \frac{3}{7} = \frac{-43}{35} \\ y = \frac{-64}{33} \cdot \frac{8}{3} & y = \frac{-43}{35} : \frac{7}{5} = \frac{-43}{35} \cdot \frac{5}{7} = \frac{-43}{49} \\ y = \frac{-8}{11} & \end{array}$$

Bài 101 tr 49 sgk: Tìm x, biết

$$a) |x| = 2,5 \Rightarrow x = \pm 2,5$$

$$b) |x| = -1,2 \Rightarrow \text{không có giá trị nào của } x.$$

$$c) |x| + 0,573 = 2$$

$$|x| = 2 - 0,573 = 1,427$$

$$\Rightarrow x = \pm 1,427$$

$$d) \left|x + \frac{1}{3}\right| - 4 = -1 \Rightarrow \left|x + \frac{1}{3}\right| = 3$$

$$\Rightarrow \begin{cases} x + \frac{1}{3} = 3 \\ x + \frac{1}{3} = -3 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x = 3 - \frac{1}{3} = \frac{8}{3} \\ x = -3 - \frac{1}{3} = -\frac{10}{3} \end{cases}$$

* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Ôn lại các kiến thức đã ôn tập. Bài tập 99,100,102 trang 49,50 sgk
- Bài 133,140, 141, trang 22, 23 SBT

Tiết 18: ÔN TẬP CHƯƠNG I (tt)

A. ÔN TẬP – LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Tính giá trị của biểu thức

Bài 99/49sgk

$$\begin{aligned} P &= \left(-0,5 - \frac{3}{5}\right) : (-3) + \frac{1}{3} - \left(-\frac{1}{6}\right) : (-2) \\ &= \left(-\frac{1}{2} - \frac{3}{5}\right) : (-3) + \frac{1}{3} - \left(-\frac{1}{6}\right) \cdot \left(-\frac{1}{2}\right) \\ &= \left(-\frac{11}{10}\right) \cdot \left(-\frac{1}{3}\right) + \frac{1}{3} - \frac{1}{12} \\ &= \frac{11}{30} + \frac{1}{3} - \frac{1}{12} = \frac{22+20-5}{60} = \frac{37}{60} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} Q &= \left(\frac{2}{25} - 1,008\right) : \frac{4}{7} : \left[\left(3\frac{1}{4} - 6\frac{5}{9}\right) \cdot 2\frac{2}{17}\right] \\ &= \left(\frac{2}{25} - \frac{126}{125}\right) : \frac{4}{7} : \left[\left(\frac{13}{4} - \frac{59}{9}\right) \cdot \frac{36}{17}\right] \\ &= \frac{-116}{125} \cdot \frac{7}{4} : \left(\frac{-119}{36} \cdot \frac{36}{17}\right) = \frac{-29,7}{125} : (-7) = \frac{29}{125} \end{aligned}$$

Bài 105 tr 50 sgk: Tính giá trị của các biểu thức :

a) $\sqrt{0,01} - \sqrt{0,25} = -0,1 - 0,5 = -0,4$

$$b) 0,5 \sqrt{100} - \sqrt{\frac{1}{4}} = 0,5 \cdot 10 - \frac{1}{2} = 5 - 0,5 = 4,5$$

Hoạt động 2: Tìm số chưa biết

Bài 133 tr 22 sbt

$$a. x = \frac{-2,14 \cdot (-3,12)}{1,2} = 5,564$$

$$b. x = \frac{8}{3} \cdot \frac{-3}{50} \cdot \frac{25}{12} = \frac{-4}{25} \cdot \frac{12}{25} = \frac{-48}{625}$$

Bài 81 tr 14sbt: Tìm a, b, c biết

$$\frac{a}{2} = \frac{b}{3} \Rightarrow \frac{a}{10} = \frac{b}{15} ; \quad \frac{b}{5} = \frac{c}{4} \Rightarrow \frac{b}{15} = \frac{c}{12}$$

$$\Rightarrow \frac{a}{10} = \frac{b}{15} = \frac{c}{12} = \frac{a-b+c}{10-15+12} = \frac{-49}{7} = -7$$

$$\text{Vậy } \frac{a}{10} = -7 \Rightarrow a = -7 \cdot 10 = -70$$

$$\frac{b}{15} = -7 \Rightarrow b = -7 \cdot 15 = -105$$

$$\frac{c}{12} = -7 \Rightarrow c = -7 \cdot 12 = -84$$

Bài 103/50sgk

Gọi số tiền lãi của hai tổ là a và b. Ta có:

$$\frac{a}{b} = \frac{3}{5} \Leftrightarrow \frac{a}{3} = \frac{b}{5} \text{ và } a + b = 12\,800\,000$$

Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau ta có:

$$\frac{a}{3} = \frac{b}{5} = \frac{a+b}{3+5} = \frac{12800000}{8} = 1600000$$

$$\Rightarrow \frac{a}{3} = 1600000 \Rightarrow a = 4800000$$

$$\frac{b}{5} = 1600000 \Rightarrow b = 8000000$$

Vậy hai tổ được chia số lãi lần lượt là: 4800000 đồng; 8000000 đồng.

*** HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Ôn kĩ các kiến thức đã học, xem lại các bài tập đã giải
- Tiết sau kiểm tra 1 tiết.

TIẾT 17: BÀI 2. HAI TAM GIÁC BẰNG NHAU

1. Hoạt động 1: *Khởi động*

Nội dung	Sản phẩm
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Thế nào là hai đoạn thẳng bằng nhau ? - Thế nào là hai góc bằng nhau ? - Hãy dự đoán xem thế nào là hai tam giác bằng nhau. GV Để biết kết quả dự đoán của các em có đúng không, ta tìm hiểu bài hôm nay.	Hai đoạn thẳng bằng nhau là hai đoạn thẳng có cùng độ dài. Hai góc bằng nhau là hai góc có cùng số đo góc. - Dự đoán câu trả lời.

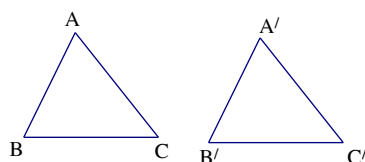
2. Hoạt động 2: *Hình thành kiến thức*

1. Định nghĩa

[?]1 $AB = A'B'$ ($= 2 \text{ cm}$); $\hat{A} = \hat{A'}$ ($= 79^\circ$)

$AC = A'C'$ ($= 3 \text{ cm}$); $\hat{B} = \hat{B'}$ ($= 62^\circ$)

$BC = B'C'$ ($= 3,2 \text{ cm}$); $\hat{C} = \hat{C'}$ ($= 39^\circ$)



Hai tam giác ABC và A'B'C' như trên là hai tam giác bằng nhau

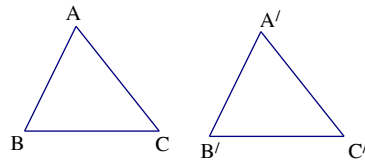
Hai đỉnh A và A' (B và B', C và C') là hai đỉnh tương ứng.

Hai góc A và A' (B và B', C và C') là hai góc tương ứng.

Hai cạnh AB và A'B' (BC và B'C', AC và A'C') là hai cạnh tương ứng.

Định nghĩa (SGK)

2. Kí hiệu:



$$\triangle ABC = \triangle A'B'C'$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \hat{A} = \hat{A'}; \hat{B} = \hat{B'}; \hat{C} = \hat{C'} \\ AB = A'B'; AC = A'C'; BA = B'C' \end{cases}$$

3. Hoạt động 3: Luyện tập

?2 a) $\triangle ABC = \triangle MNP$

b) Đỉnh tương ứng với A là đỉnh M.

c) $\triangle ABC = \triangle MNP$

$$AC = MP ;$$

?3 $\triangle ABC$ có $\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$

$$\Rightarrow \hat{A} = 180^\circ - (\hat{B} + \hat{C})$$

$$\Rightarrow 180^\circ - (50^\circ + 70^\circ) = 60^\circ$$

$$\Rightarrow \hat{B} = \hat{A} = 60^\circ \text{ (hai góc tương ứng)}$$

$BC = EF = 3\text{cm}$ (hai cạnh tương ứng)

Bài 10/111 sgk

$\triangle ABC = \triangle IMN$; $\triangle PQR = \triangle HRQ$

Bài 11/112 sgk: $\triangle ABC = \triangle HIK$

a) Cạnh tương ứng với BC là cạnh IK

Góc tương ứng với góc H là góc A.

b) $AB = HI$, $AC = HK$, $BC = IK$

~~A = H, B = I, C = K~~

BÀI 4: SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN.

3. Một số hàm trong chương trình bảng tính.

a. Hàm tính tổng:

- Cú pháp:

$= \text{SUM} (a,b,c \dots)$

- Chức năng:

Cho kết quả là giá trị tổng của các dữ liệu số trong các biến

b. Hàm tính trung bình cộng.

- Cú pháp:

= AVERAGE(a,b,c...)

- Chức năng:

Cho kết quả là giá trị trung bình của các dữ liệu số trong các biến

c. Hàm xác định giá trị lớn nhất

- Cú pháp:

= MAX(a,b,c...);

- Chức năng:

Cho kết quả là giá trị lớn nhất trong các biến.

d. Hàm xác định giá trị nhỏ nhất.

- Cú pháp:

= MIN(a,b,c...);

- Chức năng:

Cho kết quả là giá trị nhỏ nhất trong các biến.

BÀI TẬP

A. Trắc nghiệm (hs đọc sách giáo khoa từ bài 2-> bài 9)

Câu 1: Ai là người đầu tiên tìm ra châu Mỹ?

A. B. Đi-a-xơ

B. Va-xcô đơ Ga-ma

C. C. Cô-lôm-bô.

D. Ph. Ma-gien-lan

Câu 2: Chủ nghĩa tư bản ở châu Âu được hình thành trên cơ sở nào?

A. Sự sụp đổ của chế độ phong kiến.

B. Sự hình thành của các thành thị trung đại.

C. Nguồn lợi thu được từ Ấn Độ và các nước phương Đông.

D. Vốn và nhân công làm thuê.

Câu 3: Chế độ phong kiến Trung Quốc trải qua mấy triều đại?

A. 5 triều đại

B. 6 triều đại

C. 7 triều đại

D. 8 triều đại

Câu 4: Sự giống nhau giữa Vương quốc Hồi giáo Đê-li và Vương quốc Mô-gôn là gì?

A. Đều là vương triều của người nước ngoài.

B. Cùng theo đạo Hồi

C. Cùng theo đạo Phật.

D. Đều là những dân cư có nguồn gốc từ Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 5: Văn hóa Đông Nam Á chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ nền văn hóa nào?

A. Trung Quốc.

B. Nhật Bản.

C. Ấn Độ.

D. Phương Tây.

Câu 6: Việc làm nào của Ngô Quyền khẳng định chủ quyền quốc gia dân tộc.

A. Đặt kinh đô ở Cổ Loa.

B. Bỏ chức tiết độ sứ, lên ngôi vua.

C. Đặt lại lễ nghi trong triều đình.

D. Đặt lại các chức quan trong triều đình, xóa bỏ các chức quan thời Bắc thuộc.

Câu 7: "Loạn 12 sứ quân" là biến cố lịch sử xảy ra vào cuối thời:

A. Ngô.

B. Đinh.

C. Lý.

D. Trần.

Câu 8: Lê Hoàn lên ngôi vua trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?

A. Nội bộ triều đình mâu thuẫn sau khi Đinh Tiên Hoàng mất.

B. Đinh Tiên Hoàng mất, vua kế vị còn nhỏ, nhà Tống chuẩn bị xâm lược nước ta.

C. Thế lực Lê Hoàn mạnh, ép vua Đinh Nhường ngôi.

D. Đinh Tiên Hoàng mất, quan lại trong triều đình ủng hộ Lê Hoàn lên ngôi.

Câu 9: Trận đánh lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lê là:

A. Trận Chi Lăng.

B. Trận Đồ Lỗ

C. Trận Bạch Đằng

D. Trận Lục Đầu.

Câu 10: Chủ trương đối phó của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống là:

- A. Ngồi yên đợi giặc đến.
- B. Đầu hàng giặc.
- C. Chủ động tiến công để phá thế mạnh của quân Tống.
- D. Liên kết với Cham-pa.

B. Tự luận

1. Nêu đặc điểm nền kinh tế trong lãnh địa và ở thành thị trung đại ở châu Âu
2. Xã hội phong kiến châu Âu gồm những giai cấp nào?
3. Nguyên nhân dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí
4. Các cuộc phát kiến địa lí tác động như thế nào đến châu Âu?
5. Em hãy kể tên các triều đại phong kiến ở Trung Quốc theo thứ tự. Nêu những thành tựu về KHKT của Trung Quốc thời phong kiến
6. Cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến châu Âu và phương Đông
7. Xã hội phong kiến gồm châu Âu và phương Đông gồm có những giai cấp nào?
8. Em hãy nêu công lao của Ngô Quyền và Đinh Bộ Lĩnh đối với nước ta
9. Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Tiền Lê

Tiết 17 - Bài 17

MỘT SỐ GIUN ĐỐT KHÁC

VAI TRÒ CỦA NGÀNH GIUN ĐỐT

I. MỘT SỐ GIUN ĐỐT THƯỜNG GẶP:

1. Giun đỏ: Sống định cư thành búi ở cống rãnh (nước ngọt). Đầu cắm xuống bùn, thân phân đốt. Là thức ăn của cá cảnh.

2. Rươi: Sống tự do trong nước lợ. Cơ thể phân đốt, chi bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác. Là thức ăn của cá và người.

3. Đỉa: Sống ở ruộng lúa (nước ngọt), kí sinh ngoài. Có giác bám và nhiều ruột tịt để hút và chứa máu từ vật chủ.

II. VAI TRÒ CỦA GIUN ĐỐT:

- Làm thức ăn cho người: Rươi, sá sùng, Bông thùa.
- Làm thức ăn cho cá, động vật khác: Giun đất, Giun đỏ, Rươi.
- Làm cho đất trồng xốp, thoáng, màu mỡ: Giun đất

DẶN DÒ

- Ôn lại kiến thức các chương I,II,III,
- Chuẩn bị cho tiết 18 ôn tập kiểm tra giữa kỳ ?

Chương IV: NGÀNH THÂN MỀM **Tiết 18 - Bài 18: TRAI SÔNG**

I. Hình dạng, cấu tạo:

Sống chui rúc trong bùn

1.Vỏ trai:

- Gồm 2 mảnh
- Đóng - mở nhờ dây chằng cùng *hai cơ khép vỏ*.
- Vỏ gồm 3 lớp: lớp sừng, lớp đá vôi và lớp xà cừ.

2. Cơ thể trai:

- Đầu tiêu giảm
- Lớp áo trai tạo thành khoang áo, có ống hút nước và ống thoát nước
- Ở giữa là hai tấm mang.
- Trong là thân có chân dạng lược rìu

II. Di chuyển:

- Chạm, chân rìu thò ra, thụt vào kết hợp với đóng mở vỏ → trai di chuyển về phía trước,

III. Dinh dưỡng:

- Dinh dưỡng kiểu thụ động
- Ăn vụn hữu cơ và động vật nguyên sinh
- Oxy trao đổi qua mang.

IV. Sinh sản:

- Trai phân tính.
- Trứng phát triển qua nhiều giai đoạn ấu trùng.

DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc “Em có biết”
- Sưu tầm tranh ảnh 1 số đại diện thuộc ngành thân mềm.

TUẦN 8- 9

TIẾT 8- 9

BÀI 6: TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO

- _ Học sinh đọc bài và thực hiện các yêu cầu sau:
- _ Ghi nội dung bài học vào vở.
- _ Tuần 8: Học tất cả các hoạt động.

_ Tuần 9: Luyện tập, làm bài tập SGK và thực hiện ghi chép bổ sung vở nếu chưa thực hiện đầy đủ.

HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU BÀI MỚI:

Tục ngữ có câu:

- Nhất tự vi sư bán tự vi sư.
- Không thầy đố mày làm nên.

=> Tục ngữ trên thể hiện sự tôn sư trọng đạo.

HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA HS		NỘI DUNG BÀI GHI CỦA HS
HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU TRUYỆN: BỐN MƯƠI NĂM NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU		
GV: HS đọc truyện trong SGK 1. Cuộc gặp gỡ giữa thầy và trò trong truyện có gì đặc biệt về thời gian? 2. Những chi tiết nào trong truyện chứng tỏ sự biết ơn của học trò cũ đối với thầy giáo Bình? 3. Học sinh kể những kỉ niệm về những ngày thầy giáo dạy nói lên điều gì?	HS:Tự Đọc truyện diễn cảm. Học sinh suy nghĩ Trả lời	<u>I/Tìm hiểu truyện đọc:</u> <u>Kết luận:</u> - Nói lên lòng biết ơn thầy giáo cũ của các em học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3 : TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC		
Trên cơ sở tìm hiểu nội dung câu chuyện HS tự tìm hiểu khái niệm tôn sư trọng đạo và truyền thống tôn sư trọng đạo. ?: Tôn sư là gì? HS suy nghĩ và giải thích - Trọng đạo là gì? Câu tục ngữ: Không thầy đố mày làm nên. Rút ra kết luận về nghĩa của hai câu tục ngữ. - Trong thời đại ngày nay, câu tục ngữ trên còn đúng nữa không? - Hãy nêu những biểu hiện của tôn sư trọng đạo?	Suy nghĩ, trả lời Suy nghĩ, trả lời	<u>II: Nội dung bài học:</u> 1, Khái niệm: - Tôn sư: Tôn trọng, kính yêu, biết ơn thầy cô giáo ở mọi nơi, mọi lúc. - Trọng đạo: Coi trọng những lời thầy dạy trọng đạo lí làm người. 2, Biểu hiện: - Tình cảm, thái độ làm vui lòng thầy cô giáo. - Hành động đền ơn đáp nghĩa. - Làm những điều tốt đẹp để xứng đáng với thầy cô giáo 3, Ý nghĩa: - Là truyền thống quý báu của dân tộc Thể hiện lòng biết ơn của thầy cô giáo cũ. - Là nét đẹp trong tâm hồn con người, làm cho mối quan hệ người-người gắn bó, thân thiết.
HOẠT ĐỘNG 4: BÀI TẬP LUYỆN TẬP		

HS làm bài tập liên hệ thực tế. - Nêu biểu hiện tôn sư trọng đạo của một số HS hiện nay? - Quan niệm của thời đại ngày nay về truyền thống tôn sư trọng đạo? kết luận: Chúng ta khôn lớn như ngày nay, phần lớn là nhờ sự dạy dỗ của thầy, cô giáo. Các thầy cô giáo không những giúp ta mở mang trí tuệ mà giúp chúng ta biết phải sống sao cho đúng với đạo làm con, đạo làm trò, làm người. Vì vậy chúng ta phải có bổn phận là chăm học, chăm làm; vâng lời thầy cô giáo, lễ độ với mọi người.	Học sinh làm BT vào vở	<u>III-Bài tập.</u> Bài tập a : Đáp án đúng: 1,3 Bài tập b: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" " Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng" ' Một chữ cũng là thầy Nửa chữ cũng là thầy" (Nhất vi sư, bán tỵ vi sư) "Không thầy đố mày làm nên" 'Muôn sang thì bắc cầu kiều Muôn con hay chữ thì yêu kính thầy" " Ân trả, nghĩa đền" Bài tập c: Đáp án 5.
--	-------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG 5: . Hướng dẫn học sinh học ở nhà.

_ Học thuộc NDBH

_ Làm tất cả các bài tập SGK

_ Ôn lại tất cả các bài chuẩn bị tuần 10 kiểm tra giữa kỳ.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÍ 7-TUẦN 9

Bài 17: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở ĐỜI ÔN HÒA

I. TÌM HIỂU BÀI

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1



Điều giống nhau giữa 2 bức tranh là gì?

2 bức ảnh cảnh báo điều gì trong khí quyển?

- Nguyên nhân làm cho không khí bị ô nhiễm?
- Không khí bị ô nhiễm gây nên những hậu quả gì?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Qua bốn bức tranh nói lên hiện trạng gì?



- Tìm nguyên nhân của ô nhiễm nước sông ngòi?

- Tìm nguyên nhân gây ô nhiễm nước biển?
- Hậu quả của ô nhiễm tới thiên nhiên và sông ngòi?
- Nêu một số giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường nước?

II. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Ô nhiễm không khí.

- Hiện trạng: Bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng nề.
- Nguyên nhân: Khói bụi từ các nhà máy và phương tiện giao thông thải vào khí quyển
- Hậu quả:
 - + Tạo nên những trận mưa axít, tăng hiệu ứng nhà kính, khiến cho Trái Đất nóng lên, khí hậu toàn cầu biến đổi, băng ở hai cực tan chảy, mực nước đại dương dâng cao, ...
 - Khí thải còn làm thủng tầng ôzôn.

2. Ô nhiễm nước.

- Hiện trạng: Các nguồn nước bị ô nhiễm gồm: nước sông, nước biển, nước ngầm.

	Ô nhiễm nước sông, hồ, nước ngầm	Ô nhiễm biển
Nguyên nhân	- Hóa chất thải ra từ các nhà máy. - Lượng phân hóa học, thuốc trừ sâu dư thừa trên đồng ruộng. - Chất thải nông nghiệp, ...	- Váng dầu. - Các chất độc hại bị đưa ra biển, ...
Hậu quả	Làm chết ngạt các sinh vật sống trong nước, thiếu nước sạch cho đời sống và sản xuất.	

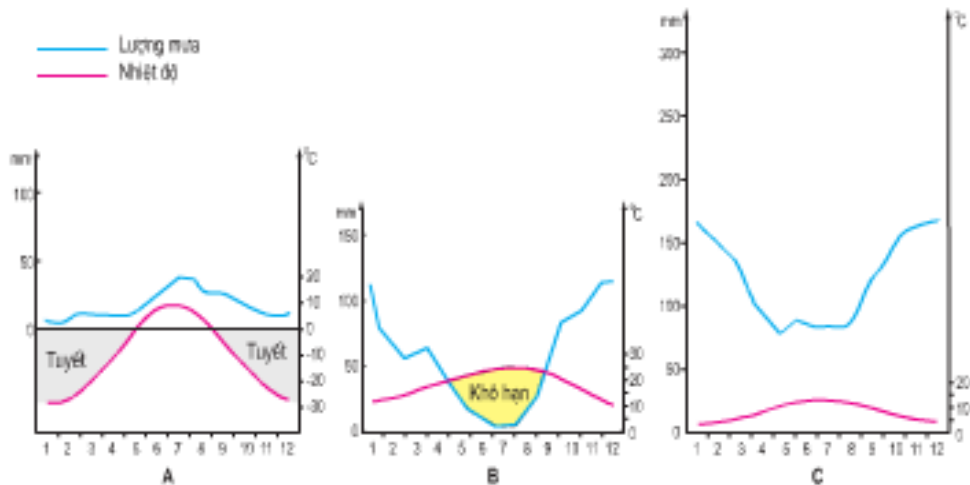
III. LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG

BÀI 18 THỰC HÀNH

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỐI ƠN HÒA

Bài tập 1:

Phân biệt được các kiểu môi trường thuộc đới ôn hòa dựa vào việc phân tích biểu đồ tương quan nhiệt ẩm



Phân tích biểu đồ tương quan nhiệt ẩm và điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Biểu đồ A: Lượng mưa trung bình năm....., chênh lệch nhiệt độ trong năm, tháng 6 nhiệt độ là.....nhưng đến tháng 1 nhiệt độ giảm xuống còn.....

Biểu đồ B: Mùa mưa kéo dài từ tháng.....đến tháng.....; Từ tháng 6 đến tháng 8 lượng mưa.....chỉ đạt khoảng.....;nhưng nhiệt độ của các tháng này lại rất cao tới....., đến tháng 12 nhiệt độ giảm xuống còn.....

Biểu đồ C: Lượng mưa trung bình năm, mưa chủ yếu từ tháng 10 đến tháng 1, đây cũng là các tháng có nhiệt độ thấp nhất từ.....đến....., nhiệt độ cao nhất vào các tháng.....với nhiệt độ.....

Hãy nối các ô ở cột Biểu đồ tương quan nhiệt ẩm với các ô ở cột Kiểu môi trường

Biểu đồ tương quan nhiệt ẩm
A

Kiểu môi trường
Ôn đới Hải dương

B	Ôn đối Lục Địa
C	Địa trung Hải

Bài tập 3:

- Từ số liệu qua các năm hãy cho nhận xét về lượng CO₂?

.....

.....

=> Sự gia tăng lượng CO₂ trong không khí là nguyên nhân chủ yếu làm cho Trái Đất nóng lên-> Gây biến đổi khí hậu-> tác động đến sự sống trên Trái Đất

- Nguyên nhân nào làm cho lượng khí thải CO₂ tăng như vậy? Giải pháp hạn chế sự gia tăng lượng CO₂ trong không khí.

.....

.....

.....

LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG

- HS viết một đoạn văn dài không quá 200 chữ thể hiện quan điểm của bản thân về thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.

TIẾT 9 : SẢN XUẤT VÀ BẢO QUẢN GIỐNG CÂY TRỒNG

I. Sản xuất giống cây trồng:

1.Sản xuất giống cây bằng hạt.

- Năm thứ nhất: Gieo hạt giống đã phục tráng, chọn cây tốt.
- Năm thứ hai: hạt cây tốt gieo thành dòng, lấy hạt của dòng tốt nhất hợp thành giống siêu nguyên chủng.

- Năm thứ ba: từ giống siêu nguyên chủng nhân thành giống nguyên chủng.
- Năm thứ tư: Từ giống nguyên chủng nhân thành giống sản xuất đại trà.

2. Sản xuất giống cây trồng bằng phương pháp nhân giống vô tính.

- Giâm cành: Từ 1 đoạn cành cắt rời khỏi thân mẹ đem giâm vào cát ẩm sau một thời gian từ cành giâm hình thành rễ.
- Ghép mắt: Lấy mắt ghép, ghép vào một cây khác.
- Chiết cành: Bóc một khoanh vỏ của cành, sau đó bó đất. Khi cành đã ra rễ thì cắt khỏi cây mẹ và trồng xuống đất.

II. Bảo quản hạt giống cây trồng

- Hạt giống bảo quản: Khô, mẩy, không lẫn tạp chất, Không sâu bệnh.
- Nơi cất giữ phải đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ÂM NHẠC 7

Chủ đề 3: HÒA BÌNH

TUẦN 9

Học hát: CHÚNG EM CẦN HÒA BÌNH

Nhạc và lời: Hoàng Long - Hoàng Lê

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức, kĩ năng:

a. Kiến thức

- HS biết: vài nét về hai nhạc sĩ Hoàng Long và Hoàng Lê - tác giả của bài *Chúng em cần hòa bình*. Biết nội dung bài hát nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn được sống trong cuộc sống yên vui đầy tình thân ái.

- HS hiểu và hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát, lấy hơi đúng cách, hát rõ lời, diễn cảm. Biết cách hát những câu hát có đảo phách.
- HS vận dụng: hát kết hợp gõ nhịp của bài, hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...kết hợp vận động 1 số động tác phụ họa.

b. Kỹ năng:

- Qua bài hát bước đầu học sinh nghe và phân biệt tính chất sáng, khoẻ của giọng trưởng, hát sôi nổi.

2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

a. Các phẩm chất

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước

b. Năng lực chung

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.

c. Năng lực chuyên biệt

- Hiểu biết âm nhạc.
- Thực hành âm nhạc.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- SGK, hướng dẫn thực hiện chuẩn KTKN.
- Nhạc cụ; băng hát mẫu và băng phụ bài hát ***Chúng em cần hoà bình.***
- Máy chiếu.

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi.
- Tìm hiểu về bài hát trước khi lên lớp.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động (5p):

- GV cho h/s hát bài hát Tiếng chuông và ngọn cờ để khởi động.

B. HĐ hình thành kiến thức mới (30p):

Hoạt động của giáo viên	HD của HS	Nội dung												
HD 1: Tìm hiểu bài hát và học hát bài Chúng em cần hòa bình (10p) 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Nêu đôi nét về tác giả - GV chiếu bài hát: - GV cho h/s trình bày cá nhân phần chuẩn bị về bài hát. - Gv cho h/s quan sát bài hát và yêu cầu h/s thảo luận nhóm nhận xét bài (3-5p): + Gv phát phiếu học tập: <table border="1"> <tr><td>Nhịp</td><td></td></tr> <tr><td>Kí hiệu</td><td></td></tr> <tr><td>Chia câu</td><td></td></tr> <tr><td>Cao độ</td><td></td></tr> <tr><td>Trường độ</td><td></td></tr> <tr><td>ÂHTT</td><td></td></tr> </table> + Hs làm vào phiếu học tập và chấm chéo nhóm. + Gv đưa thang điểm để h/s nhận xét và chấm chéo. - Gv cho h/s luyện thanh. - Gv tiến hành dạy bài hát: + Cho h/s đọc tên nốt nhạc + H/s đọc lời ca. - Hướng dẫn h/s hát từng câu theo lối móc xích: + GV đàn câu 1: gọi h/s hát lại-> cả lớp cùng hát.	Nhịp		Kí hiệu		Chia câu		Cao độ		Trường độ		ÂHTT		2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs quan sát bản nhạc, nghiên cứu tài liệu. - Hs làm việc cá nhân => thảo luận nhóm bàn, thống nhất ý kiến.	I. Học hát bài: Chúng em cần hoà bình . 1. Tìm hiểu bài: <i>a. Tác giả:</i> - Nhạc sĩ Hoàng Long - Hoàng Lân là 2 anh em sinh đôi, quê ở Sơn Tây - Hà Tây. - Ca khúc “Chúng em cần hoà bình” ra đời năm 1985 để nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn có một cuộc sống yên vui đầy tình thân ái, là một trong 50 bài hát hay nhất TKXX đã được các nhà nghiên cứu âm nhạc bình chọn. <i>b. Tác phẩm:</i> - Nhịp 2/4 - Kí hiệu: + Dấu: nốt, nhắc lại, lặng đơn, đen + Khung thay đổi số 1, số 2. - Gồm 2 đoạn, 8 câu 2. Học hát
Nhịp														
Kí hiệu														
Chia câu														
Cao độ														
Trường độ														
ÂHTT														

- + Đàn câu 2: gọi 1 h/s hát lại, sau đó cả lớp cùng hát.
 - + Ghép câu 1 + 2: h/s hát.
 - Dạy tương tự với các câu sau.
 - Gv ghép toàn bài: h/s hát và kết hợp gõ phách bài hát.
 - Cho h/s thực hiện theo nhóm:
 - + N1: hát câu 1,3.
 - + N2: hát câu 2,4.
- Cả lớp hát đoạn 2.
- Gv gọi 1,2 h/s hát lại bài hát kết hợp vận động 1 số động tác.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Gv nhận xét kết quả báo cáo, cách đọc bài của h/s, góp ý, bổ sung.
- Gv chốt kiến thức.

HD 2: Tìm hiểu bài đọc thêm

1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

3. Báo cáo kết quả và thảo luận

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Hs hát bài hát theo nhóm, cá nhân, song ca.
- Đại diện cá nhân khác nhận xét, bổ sung và đi đến thống nhất kiến thức.

- Gọi 1 HS đọc phần đọc thêm (SGK) - GV cho h/s làm việc cá nhân: + Cho biết đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác âm nhạc của nhạc sĩ Bùi Đình Thảo? + Hoàn cảnh ra đời và nội dung của bài hát Đi học? - GV cho HS nghe bài hát Đi học 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét đánh giá báo cáo của hs. - Chốt kiến thức	2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk - HS làm việc cá nhân trả lời theo y/c của gv. 3. Báo cáo kết quả và thảo luận - HS nhận xét về kết quả báo cáo của bạn.	2. Bài đọc thêm: Nhạc sĩ Bùi Đình Thảo và bài hát Đi học
--	--	--

C. Luyện tập (3p):

- GV đàn cho HS hát kết hợp vền ®éng 1 vui ®éng t,c bài hát Chúng em cần hòa bình.
- Làm 1 số bài tập.

D. Vận dụng (4p):

H. Nội dung bài hát thể hiện mong ước gì?

TL: Bài hát nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn cuộc sống hòa bình - yên vui - đầy tình thân ái. Vì vậy các em phải đoàn kết - gắn bó - giúp đỡ nhau học tập - rèn luyện tốt hơn nữa, luôn cùng nhau đấu tranh tội ác để vươn tới mục tiêu cao cả vì đất nước Việt Nam thống nhất - độc lập - tự do - hòa bình và hạnh phúc.

E. Tìm tòi và mở rộng:

H. Kể tên một số bài hát viết về đề tài hòa bình - hữu nghị - đoàn kết?

GV: Cho HS hoạt động 4 nhóm (mời 4 HS đại diện cho 4 nhóm lên bảng thi viết tên bài hát. Cả lớp đếm 1-2-3 để cuộc thi bắt đầu, kết thúc cuộc thi khi đếm đến 150; nhóm nào viết đúng nhiều bài hát hơn thì thắng cuộc).

TL: Thiếu nhi thế giới liên hoan, Trái đất này là của chúng mình, Tiếng chuông và ngọn cờ, Bốn phương trời, Em như chim bồ câu trắng, Tiếng hát bạn bè mình, Ngôi nhà của chúng ta, Nối vòng tay lớn, Lớp chúng ta đoàn kết, Hòa bình cho bé,...

IV. PHỤ LỤC VÀ ĐIỀU CHỈNH

.....

.....

.....

.....

.....